

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ, HEO TẬP TRUNG
PHẠM VĂN RỪ**

Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ, HEO TẬP TRUNG
PHẠM VĂN RỪ**

CHỦ CƠ SỞ

Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024

MỤC LỤC

DANH SÁCH BẢNG.....	iv
DANH SÁCH HÌNH.....	v
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ cơ sở đầu tư.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở đầu tư	3
3.1. Công suất của cơ sở đầu tư.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở đầu tư	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào.....	9
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu	10
4.3. Nhu cầu cung cấp điện	10
4.4. Nhu cầu về nước.....	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	14
5.1. Quá trình xây dựng cơ sở	14
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	14
5.2.1. Các hạng mục công trình chính	16
5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	17
5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường	18
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị.....	19
5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở	21
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẢNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	22
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	22
2.1. Đánh giá chung.....	23
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	25
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25

1.2. Thu gom, thoát nước thải	25
1.3. Xử lý nước thải	26
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	33
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường	34
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	35
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi.....	35
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	37
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung.....	39
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố	39
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải	40
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ và tắc nghẽn Biogas	40
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải.....	41
6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:	42
6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	43
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	44
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	44
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	45
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	46
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	46
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	47
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	50
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	51
2. Chương trình quan trắc môi trường (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	51
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	51
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục.....	51
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	51
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	52
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	53
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	53

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	53
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	55

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1 Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 1.2. Nguyên - vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở.....	9
Bảng 1.3. Lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở	11
Bảng 1.4. Lượng nước cấp cho heo uống tại cơ sở	12
Bảng 1.5. Tổng nhu cầu lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất của cơ sở.....	13
Bảng 1.6. Hạng mục các công trình của cơ sở.....	14
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	20
Bảng 3.1. Lưu lượng nước tiêu của heo tại cơ sở.....	30
Bảng 3.2. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải.....	32
Bảng 3.3. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở.....	36
Bảng 3.4. Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong 01 năm.....	37
Bảng 3.5. Nguyên nhân gây sự cố và biện pháp khắc phục	40
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	45
Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	46
Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	47
Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.....	47
Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	48
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	50
Bảng 6.1. Chương trình quan trắc.....	52

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở.....	2
Hình 1.2. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh.....	2
Hình 1.3. Quy trình nuôi gà thịt tại cơ sở.....	4
Hình 1.4. Quy trình nuôi heo thịt tại cơ sở.....	7
Hình 1.5. Sơ đồ xử lý nước ngầm.....	18
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	26
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn.....	27
Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi gà tại cơ sở.....	29
Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi heo tại cơ sở.....	30

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
NĐ – CP	Nghị định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

**CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ cơ sở đầu tư

- Chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Phạm Văn Rur
- Địa chỉ: ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Phạm Văn Rur.
- Chức vụ: Chủ cơ sở
- Điện thoại: 0913 862 170

2. Tên cơ sở:

Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Phạm Văn Rur

Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Phạm Văn Rur” thuộc Hộ kinh doanh Phạm Văn Rur được đầu tư xây dựng tại ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng với tổng diện tích đất để thực hiện xây dựng là 25.719,9 m².

Vị trí cơ sở với tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía trước : giáp nhà dân, Quốc lộ 1A.
- Phía bên trái : giáp đất ruộng.
- Phía bên phải : giáp đất ruộng.
- Phía sau : giáp đất ruộng.

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiếu 6 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	A	1077895	0540433
2	B	1077827	0540450
3	C	1077845	0540799
4	D	1077925	0540793

- Vị trí của cơ sở được bao quanh bởi đất trồng lúa và kênh rạch, xa khu dân cư, trường học. Cơ sở nằm cách lộ giới đường Quốc lộ 1A khoảng 230m theo hướng Đông Bắc. Trong bán kính khoảng 2,0 km là các nhà dân, đồng ruộng, nương rẫy,... không có các công trình nhạy cảm như khu bảo tồn, các công trình văn hoá, tôn giáo và các khu di tích lịch sử.

- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh trang trại có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.

- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao sinh học lưu chứa bên trong cơ sở.

- Quy mô: Trang trại được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 25.719,9 m² bao gồm diện tích đất xây dựng các trại gà, trại heo, kho chứa thức ăn, hầm ủ biogas, các đài nước, hệ thống các ao mương,...

+ Quy mô hoạt động: Trang trại nuôi 60.000 con gà thịt/đợt nuôi được chia vào 04 dãy trại nuôi, tương đương 15.000/trại, thời gian nuôi 45 - 70 ngày/đợt. Mỗi năm trang trại sẽ nuôi 4 đợt gà với tổng số 240.000 con gà thịt. Và 2 trại heo, với tổng số đàn heo 2.000 con/đợt, mỗi năm nuôi 2 đợt tương đương với 4.000 con/năm.

- Cơ sở đã được Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” tại Quyết định số: 139/QĐ.STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2009.

- Cơ sở đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài tại Giấy xác nhận số 1167/GXN-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc xác nhận các công trình xử lý chất thải của Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung của Công ty TNHH Một thành viên Dư Hoài đã hoàn thành giai đoạn vận hành thử nghiệm và đủ điều kiện đi vào vận hành chính thức.

- Cơ sở có tiêu chí môi trường thuộc Mục I.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở đầu tư

3.1. Công suất của cơ sở đầu tư

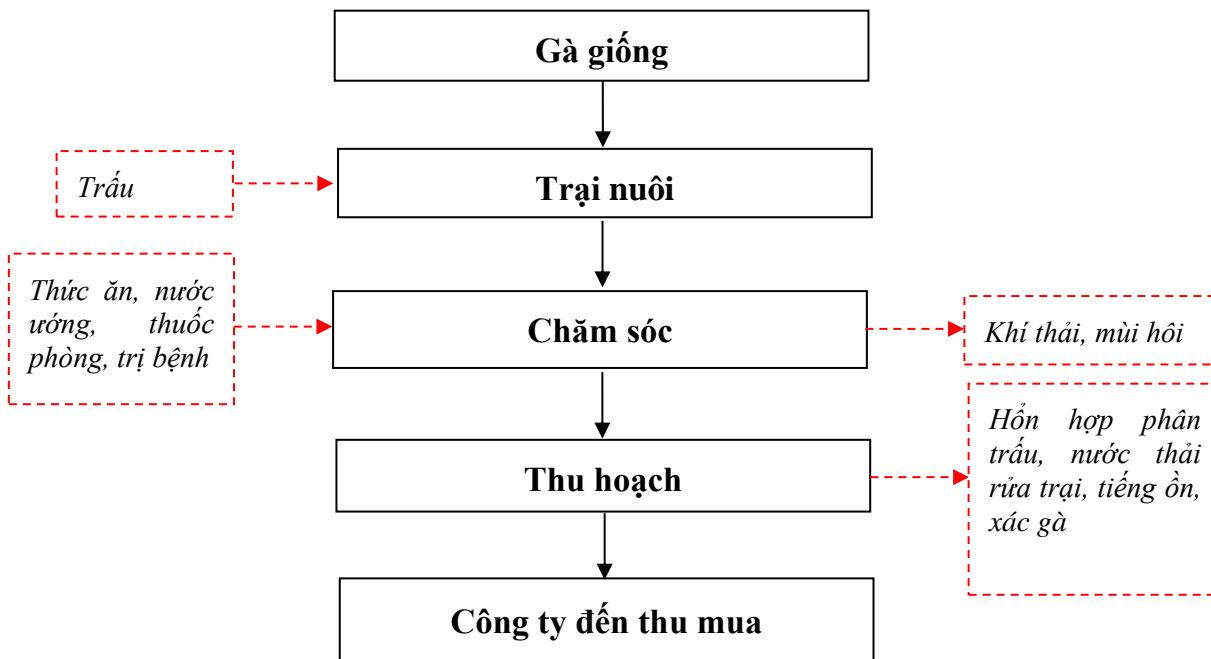
“Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Phạm Văn Ru” thuộc Hộ kinh doanh Phạm Văn Ru hoạt động với quy mô công suất của cơ sở là 60.000 con gà thịt/đợt (mỗi năm 04 đợt nuôi) được chia làm 04 dãy trại nuôi; và 2.000 con heo thịt/đợt (mỗi năm 02 đợt) được chia làm 02 dãy trại nuôi.

Tổng diện tích của cơ sở: 25.719,9 m² (gồm: thửa đất số 487 có diện tích 6.355 m²; thửa đất số 490 có diện tích 6.971 m²; thửa đất số 578 có diện tích 4.048 m²; thửa đất số 800 có diện tích 2658,2 m²; thửa đất số 1076 có diện tích 5.687,7 m² đều thuộc tờ bản

đồ số 2 và thuộc địa phận ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư

- Quy trình nuôi gà thịt của cơ sở được thể hiện dưới sơ đồ như sau:



Hình 1.3. Quy trình nuôi gà thịt tại cơ sở

* Thuyết minh quy trình:

Trước đi bắt đầu vụ nuôi, chủ cơ sở sẽ tiến hành dọn dẹp, chuẩn bị trại nuôi. Các công việc chuẩn bị trại nuôi như sau:

- + Vệ sinh sạch và sát trùng kỹ máng ăn máng uống trước khi sử dụng.
- + Vệ sinh tây uế và sát trùng trại trại.
- + Kiểm tra các thiết bị chăn nuôi để đảm bảo chúng hoạt động tốt trong quá trình nuôi.

Ngoài ra, gà con khi mới nhập về cần phải úm để tránh gây chết khi còn quá nhỏ, công tác chuẩn bị quây úm như sau:

- Quây úm phải được chuẩn bị kỹ, mỗi quây úm có đường kính 2m cho 500 con gà, độ cao của quây úm khoảng 45 - 50 cm.
- Đèn úm dùng bằng bóng đèn tròn dây tóc 75W, mỗi bóng đèn có thể úm được từ 100 - 110 con gà.
- Chuẩn bị chất độn trại: chất độn trại là trấu đã được phơi khô và xịt sát trùng, lớp trấu có bề dày khoảng 10 cm.

Gà giống khoảng 1 ngày tuổi được công ty cung cấp con giống vận chuyển đến cơ sở. Công nhân sẽ vận chuyển các thùng chứa gà giống vào trại nuôi, sau đó thả gà ra các khu quây úm đã được chuẩn bị sẵn.

Quá trình úm gà như sau:

+ Ngay khi gà đến trại, phải nhanh chóng cho gà vào quây úm. Cho gà uống đầy đủ nước có hòa vitamin C và đường glucose (thường 2g vitamin C + 50g glucose trong 1 lít nước cho 80 - 100 con gà).

+ Cho gà uống nước trong vòng 2 - 4 giờ đầu sau đó mới đổ cám cho gà con tập ăn.

+ Nhiệt độ úm: nhiệt độ thích hợp cho gà trong tuần đầu là 32 - 34⁰C và cứ sau một tuần nhiệt độ sẽ giảm 2⁰C. Quan sát gà con trong quây úm, ta có thể xác định nhiệt độ úm có thích hợp hay không, cụ thể là:

Nếu gà con tụ tập dưới bóng đèn úm nghĩa là nhiệt độ quá thấp, ta phải tăng nhiệt độ lên

Nếu gà con tản xa đèn úm nghĩa là nhiệt độ úm quá cao, cần phải giảm nhiệt độ xuống

Nếu gà con phân bố đều trong quây úm có nghĩa là nhiệt độ đã thích hợp

+ Thời gian úm: thường là từ 10 - 14 ngày

Sau khi kết thúc quá trình úm gà thì gà con được thả ra trại nuôi với mật độ nuôi khoảng 10 con/m². Lúc này trong trại nuôi lớp trấu độn phải được trải đều khắp trại với bề dày khoảng 5-10cm.

Cơ sở áp dụng mô hình chăn nuôi gà thịt trại lạnh tiên tiến. Trại nuôi được xây dựng khá kín đảm bảo cách ly với bên ngoài, phía trước trại nuôi là các tấm làm mát cooling pap và cửa trại, hai bên trại nuôi được phủ lớp bạt nhựa, phía trên mái nhà lợp tole, phía cuối trại nuôi sẽ được bố trí 9 - 10 quạt hút. Lượng nước sạch sẽ được bơm lên đầu các tấm làm mát cooling pap, nhờ vào cấu tạo đặc biệt lượng nước này sẽ chảy cuống các khe rãnh của các tấm cooling pap tạo thành những dòng nước nhỏ li ti, khi đó lực hút của các quạt hút ở cuối trại sẽ hút các dòng nước li ti này cùng với không khí bên ngoài để tạo thành hơi mát, dòng hơi mát này sẽ được hút về cuối trại nuôi, đảm bảo trại nuôi giữ được nhiệt độ mát mẻ khoảng 22 - 25⁰C.

Quá trình chăm sóc gà như sau:

* Thức ăn:

Lượng thức ăn sẽ được các công ty cung cấp, tỷ lệ dinh dưỡng của thức ăn sẽ thay đổi theo độ tuổi của gà, cụ thể như sau:

+ Thức ăn cho gà con từ 1 - 14 ngày tuổi có 21% đạm.

+ Thức ăn cho gà choai từ 15 - 28 ngày tuổi có 19% đạm.

+ Thức ăn cho gà thịt từ 29 - 42 ngày tuổi có 18% đạm.

+ Thức ăn cho gà nuôi vỗ béo từ 43 ngày tuổi trở lên có 17% đạm.

* Cách thức cho ăn: khi gà còn nhỏ cho gà ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần bỏ một ít thức ăn, thức ăn phải luôn luôn mới. Sau 2 tuần số lần cho ăn trong ngày sẽ giảm dần. Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và buổi chiều mát để tránh hiện tượng gà bị chết nóng.

* Phòng bệnh: nếu việc phòng bệnh tốt sẽ hạn chế được khả năng bệnh tật của gà, giảm tỉ lệ loại thải và giúp gà tăng trọng nhanh. Việc phòng bệnh bao gồm quy trình vệ sinh trại trại, tiêm vắc xin và uống thuốc phòng bệnh.

Vệ sinh trại trại:

- Phải luôn giữ cho nền trại khô ráo.
- Hạn chế cho người lạ vào trại, các xe ra vào trại phải xịt thuốc sát trùng.
- Khi ra vào trại phải giậm chân vào nước sát trùng.
- Hạn chế nguồn lan truyền bệnh như chuột, chim...

Phòng bệnh bằng vắc xin:

Các loại vắc xin sẽ được các công ty chủ cơ sở hợp tác cung cấp, chương trình phòng bệnh bằng vắc xin được quy định như sau:

- Gà 3 ngày tuổi ngừa viêm phế quản truyền nhiễm (IB) và dịch tả (ND) bằng cách nhỏ mắt nhỏ mũi.
- Gà 12 - 14 ngày tuổi ngừa Gumboro bằng cách cho uống.
- Gà 21 ngày tuổi ngừa dịch tả lần 2 bằng cách pha nước cho uống.

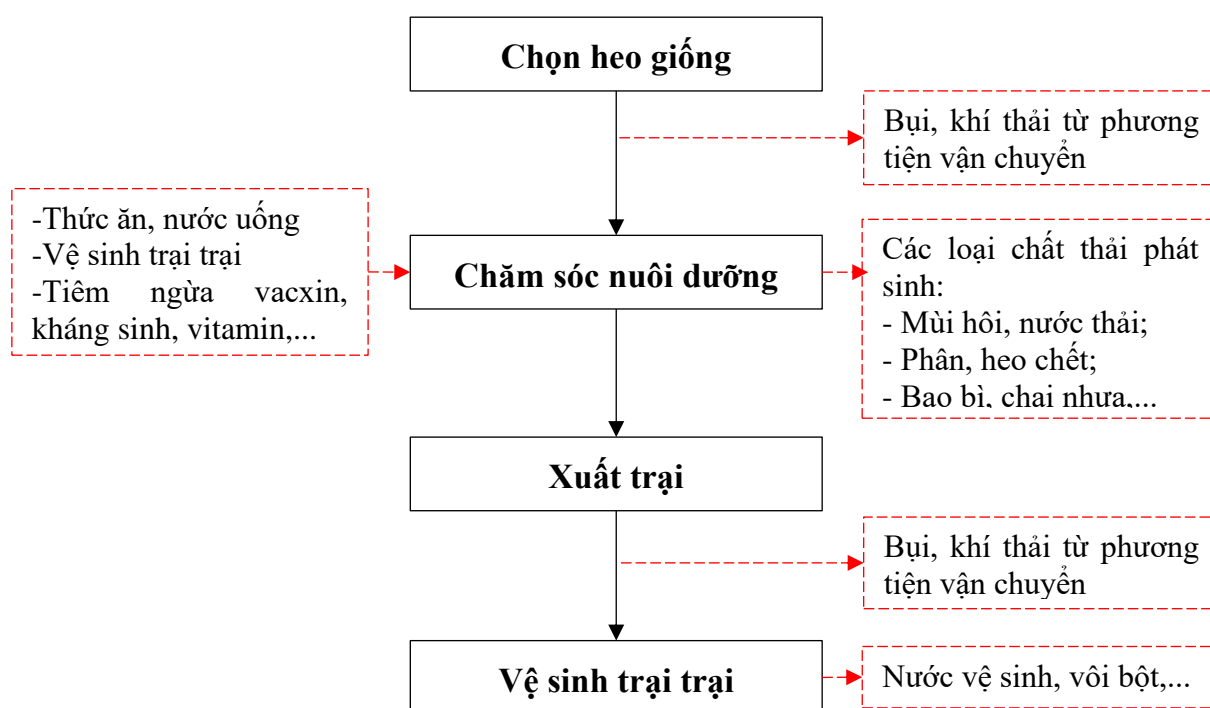
Thu hoạch:

Gà khi đạt độ tuổi xuất chuồng có trọng lượng khoảng 2,6 – 3 kg/con sẽ được xuất trại, lượng gà này sẽ được các công ty đối tác đến thu mua, bao tiêu sản phẩm. Công nhân sẽ cho khoảng 3 – 4 con gà vào một cái lồng và chất lên xe chở gà.

Lượng phân gà và trấu trong trại sẽ được công nhân thu gom hay do thương lái mua phân gà trực tiếp đến thu gom vào các bao PP và đem bán.

Sau đó công nhân sẽ quét dọn trại, phun xịt nước rửa trại, rải vôi, phun xịt sát trùng để chờ vụ nuôi tiếp theo. Thông thường thời gian cách ly giữa 2 đợt nuôi là khoảng 10 – 20 ngày.

- Quy trình nuôi heo thịt của cơ sở được thể hiện dưới sơ đồ như sau:



Hình 1.4. Quy trình nuôi heo thịt tại cơ sở

*Thuyết minh quy trình

- Trang trại thực hiện chăn nuôi heo thịt theo mô hình chăn nuôi của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam. Heo giống 4 tuần tuổi được nhập về trại có trọng lượng khoảng 7-8 kg/con. Heo con đảm bảo được kiểm tra kỹ, tất cả đều khỏe mạnh, có giấy chứng nhận kiểm dịch (do cơ quan thú y cấp).

- Heo được nuôi tại trại trong khoảng 5 tháng, khi trọng lượng đạt khoảng 65 - 95 kg là xuất trại. Sau khi xuất trại, thực hiện vệ sinh phòng dịch bằng khử trùng, vệ sinh trại trại sạch sẽ, sau đó mới tiến hành nhập đợt mới. Như vậy, trong 1 năm dự kiến trang trại sẽ nuôi được 02 đợt với số lượng heo mỗi đợt nuôi tối đa là 2.000 con.

Và thời gian dự kiến Trang trại nhập heo con vào nuôi là khoảng tháng 2 và tháng 8 hàng năm.

❖ Quy trình chăm sóc:

- Tiêm phòng: nên tiêm phòng cho heo lúc 8 – 12 tuần tuổi (giai đoạn trước khi heo đưa vào nuôi thịt). Tiêm các loại vaccine thông thường (Dịch tả, FMD), riêng đối với bệnh Phó thương hàn cần tiêm cho heo trong thời kì heo con theo mẹ và sau đó có thể tiêm phòng nhắc lại. Thông thường sau khi tiêm lần 1 khoảng 10 – 20 ngày, heo có thể được tiêm nhắc lại hay bổ sung;

- Tẩy giun sán: trước khi đưa heo vào nuôi thịt nên tiến hành tẩy các loại giun sán;

- Trại trại phải thoáng mát, có sự lưu chuyển không khí với vận tốc gió trung bình từ 0,5 – 1m/giây;

- Nền trại luôn khô ráo, có độ dốc thoát nước tốt, tránh trơn trượt hoặc gồ ghề, hạn chế chất thải trong khu vực nuôi.

❖ Quy trình cho ăn:

- Cơ thể heo thịt phát triển theo 2 giai đoạn. Ở giai đoạn đầu cơ thể heo sẽ phát triển số lượng tế bào cơ và giai đoạn còn lại sẽ phát triển kích thước tế bào. Do đó, ở giai đoạn đầu ta cần cho heo thịt ăn với số lượng tự do theo nhu cầu để giúp heo tăng tối đa số lượng tế bào và ở giai đoạn sau cho heo ăn theo định mức để hạn chế quá trình hình thành tế bào mỡ. Như vậy sẽ giúp giảm chi phí cho đàn heo thịt và tăng tỉ lệ nạc.

- Cách cho ăn: nên bố trí máng ăn đủ cho số heo trong đàn để hạn chế mức ăn không đồng đều và nên cho ăn nhiều lần trong ngày để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tập cho heo có phản xạ ăn theo giờ để tăng khả năng tiêu hóa. Trong khi cho ăn nên theo dõi tình trạng sức khỏe và khả năng ăn vào của từng con trong trại. Ngoài ra, cần chú ý đến chất lượng thức ăn phải đủ dưỡng chất và không bị nhiễm độc tố nấm mốc.

❖ Quy trình tắm heo:

Trong mỗi trại trại nuôi heo, tại mỗi ô nuôi sẽ được thiết kế một hồ tắm chạy dọc theo chiều dài của ô nuôi. Mỗi hồ tắm có kích thước rộng 1,2m, sâu 10cm và có mương thu nước rộng 50cm thấp hơn đáy hồ tắm, dốc về hướng quạt hút và hướng về hệ thống thu gom nước thải. Tại cuối mương có lắp đặt van đóng mở phục vụ thu gom nước. Mực nước được xả vào hồ tắm khoảng 10cm. Heo được tập đi vệ sinh và tự tắm tại hồ tắm này.

❖ Vệ sinh trại trại bằng khử trùng

- Khử trùng hàng ngày: Đối với trại trại được vệ sinh hàng ngày với tần suất 01 lần/ngày.

- Khử trùng sau khi xuất heo: Sau khi xuất hết tất cả heo trong một trại, tiến hành làm vệ sinh toàn bộ bao gồm trần, nền, tường, vách ngăn, trang thiết bị, dụng cụ dùng trong trại nuôi. Sử dụng vôi bột để khử trùng trại trại, lượng vôi khử trùng ước tính khoảng 200g/m² sàn. Sau vài ngày, tiến hành quét dọn vôi sạch sẽ, nhập đợt heo mới vào.

Đối với các dụng cụ, thiết bị được khử trùng bằng thuốc và để khô tối thiểu trên 12 giờ mới đưa vào sử dụng lại.

- Trong chăn nuôi heo, chất thải chủ yếu là phân, nước tiểu, nước vệ sinh trại, thức ăn thừa, bao bì đựng thức ăn, vỏ thuốc thú y, heo chết. Nguồn chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến môi trường, vì vậy Chủ cơ sở sẽ quan tâm kiểm soát.

❖ Vệ sinh thú y và biện pháp đảm bảo an toàn dịch bệnh

Thực hiện phương châm phòng bệnh là chính:

- Xây dựng nội quy ra vào trại để đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Thực hiện tiêm phòng khép kín vaccine LMLM, Dịch tả, Tụ huyết trùng, phó thương hàn, E.coli...

- Định kỳ tẩy giun, sán; phòng, trị ghẻ cho đàn heo.

- Tuyệt đối không sử dụng thức ăn bị ẩm mốc, thức ăn kém chất lượng cho đàn heo.

- Định kỳ phun thuốc tiêu độc, sát trùng trại trại và khu vực quanh trại. Khai thông cống rãnh thoát nước.

3.3. Sản phẩm của cơ sở đầu tư

Sản phẩm gà thịt: cơ sở thực hiện nuôi 60.000 con gà thịt/đợt, trọng lượng bình quân 3kg/con. Do đó khối lượng gà thịt mỗi đợt là 180 tấn. Mỗi năm cơ sở nuôi 4 đợt tương đương với 720 tấn gà thịt.

Sản phẩm heo thịt: cơ sở thực hiện nuôi 2.000 con heo thịt/đợt, trọng lượng bình quân 95kg/con. Do đó khối lượng heo thịt mỗi đợt là 190 tấn. Mỗi năm cơ sở nuôi 2 đợt tương đương với 380 tấn heo thịt.

Sản phẩm đầu ra của cơ sở khi đạt trọng lượng xuất trại sẽ được các đối tác là công ty, cơ sở thu mua có nhu cầu.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào

- Con giống:

Gà giống: khoảng 60.000 con/đợt nuôi (mỗi năm cơ sở sẽ nuôi 04 đợt).

Heo giống: heo 4 tuần tuổi được nhập định kỳ với số lượng 2.000 con/đợt (mỗi năm cơ sở sẽ nuôi 02 đợt).

Con giống được Công ty đối tác cung cấp và vận chuyển về trại chăn nuôi bằng xe chuyên dụng.

- Thức ăn:

Thức ăn cho gà: Cơ sở sử dụng thức ăn dạng viên, loại bao 25kg chứa trong mỗi kho thức ăn tại trại, ước tính sử dụng khoảng 250 tấn/đợt nuôi.

Thức ăn cho heo: Sử dụng thức ăn dạng viên, loại bao 50kg chứa trong mỗi kho thức ăn tại trại, ước tính sử dụng khoảng 3 tấn/ngày, khoảng 450 tấn/đợt.

- Thuốc thú y, thuốc kháng sinh trong quá trình chăn nuôi được cung cấp theo danh mục của các công ty đối tác cung cấp.

- Chất độn trại: Sử dụng chủ yếu trấu làm chất độn trại, bề dày nền trấu khoảng 5 – 10cm, tổng diện tích toàn bộ 04 trại nuôi là 6.550 m² ước tính sử dụng khoảng 20 tấn trấu/đợt (5 tấn trấu/trại nuôi).

Nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động cơ sở được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Nguyên - vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Số lượng
1	Gà giống	60.000 con/đợt
2	Thức ăn cho gà loại 25kg/bao	250 tấn/đợt
3	Heo giống	2.000 con/đợt
4	Thức ăn cho heo loại 50kg/bao	450 tấn/đợt
3	Vôi để khử trùng mặt bằng, trại trại	2.000 kg/năm
4	Formol 2-3% , thuốc sát khuẩn Biodine	20 lít/năm
5	Xút 2 -3 %	20 kg/năm
6	Trấu	20 tấn/đợt
7	Chế phẩm sinh học EM, hóa chất diệt ruồi	250 lít/đợt
8	Clorine	60 kg/đợt
9	Các loại hóa chất khử mùi	45 kg/đợt
10	Các loại thuốc thú y, vắc xin	Tuỳ theo từng thời điểm Công ty đối tác sẽ cung cấp các loại thuốc, vắc-xin theo loại và liều lượng khác nhau

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:

- Cơ sở sử dụng nhiên liệu dầu Diezen để chạy máy phát điện dự phòng. Do mạng lưới điện quốc gia ít gặp sự cố nên lượng dầu sử dụng là không nhiều. Trong trường hợp xấu nếu mỗi tháng có 2 ngày mất điện thì nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tối đa cho máy phát điện khoảng 20 lít/giờ.

- Gas để nấu ăn: khoảng 6 kg/tháng.

4.3. Nhu cầu cung cấp điện

Nguồn cấp điện cho cơ sở là điện 3 pha được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia, do Điện lực huyện Châu Thành cung cấp.

Điện dùng cho các hoạt động dân dụng của công nhân được tính trên cơ sở chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt là 750 kWh/năm (tương đương 2,05 kWh/ngày) - Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

$$\text{Đ}_{\text{SHHD}} = 14 \text{ người} * 2,05 \text{ kWh/người/ngày} = 28,7 \text{ kWh/ngày}$$

Nhu cầu điện dùng cho vận hành máy móc, thiết bị sản xuất (Đ_{MMHD}):

$\text{Đ}_{\text{MMHD}} = 900 \text{ kWh/ngày}$

+ Điện chiếu sáng: 100 kWh/ngày

+ Điện dây chuyền hệ thống máy móc: 300 kWh/ngày

+ Điện vận hành hệ thống quạt hút: 500 kWh/ngày

Tổng lượng điện tiêu thụ trong giai đoạn cơ sở đi vào hoạt động (Đ_{HD}):

$\text{Đ}_{\text{HD}} = \text{Đ}_{\text{MMHD}} + \text{Đ}_{\text{SHHD}} = 28,7 + 900 = 928,7 \text{ kWh/ngày.}$

4.4. Nhu cầu về nước

Nguồn nước sử dụng cho cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất thông qua giếng khoan (8 giếng khoan) với lưu lượng khai thác trong khoảng 125 m³/ngày.đêm. Tổng lượng nước cần thiết cho các hoạt động của trang trại khoảng 49,97 m³/ngày.đêm.

Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng cấp nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn khoảng 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở đi vào hoạt động với tổng số công nhân, người lao động làm việc là 14 người. Do đó, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt (Q_{SH}) là:

$Q_{\text{SH}} = 14 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm} = 1,12 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

***Lượng nước cấp cho hoạt động chăn nuôi gà (Q_{NG}):**

Nước uống cho gà: Nước cấp cho gà uống: tùy theo độ tuổi của gà mà lưu lượng nước uống sẽ khác nhau. Theo thông kê thực tế tại cơ sở thì: đối với gà từ 2 - 5 ngày tuổi thì lượng nước cấp cho gà uống là 20 lít/trại nuôi; đối với gà từ 6 - 10 ngày tuổi thì lượng nước uống là 100 lít/trại nuôi; đối với gà từ 11 - 20 ngày tuổi thì lượng nước uống là 600 lít/trại nuôi; đối với gà từ 21 - 30 ngày tuổi thì lượng nước uống là 900 lít/trại nuôi; đối với gà từ 31 - 45 ngày tuổi thì lượng nước uống là 1.200 lít/trại nuôi.

Tổng hợp định mức nước uống cho gà với số lượng trại nuôi tại cơ sở tính toán được lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở mỗi ngày như sau:

Bảng 1.3. Lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở

STT	Độ tuổi	Định mức lượng nước uống cho 01 trại nuôi (lít/ngày)	Lưu lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở vào mỗi đợt nuôi (lít/ngày)
1	2 - 5	20	80
2	6 - 10	100	400
3	11 - 20	600	2.400
4	21 - 30	900	3.600
5	31 - 45	1.200	4.800
6	46 ngày tuổi trở lên	1.500	6.000

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát

Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 0764.742.424.

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát, tổng hợp)

Lưu lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở dao động trong khoảng 0,08 – 6,0 m³/ngày và tối đa là 6,0 m³/ngày.

Nước cấp cho hệ thống làm mát: Hệ thống làm mát được lắp đặt ở mỗi trại là 10 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn gà. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là 0,4 m³/ngày. Vậy lượng nước cơ sở cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 04 trại (Q_{LM}) là 1,6 m³/ngày.

Như vậy, tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình hoạt động nuôi gà tối đa của cơ sở (Q_{NG}):

$$Q_{NG} = Q_{NUCG} + Q_{LM} = 6,0 + 1,6 = 7,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Nước vệ sinh trại trại, máng ăn: lượng nước này chỉ sử dụng sau khi kết thúc vụ nuôi, theo thống kê tại cơ sở thì lượng nước vệ sinh trại trại, máng ăn sau khi kết thúc vụ nuôi là khoảng 05 m³/trại nuôi, cơ sở có 04 trại nuôi thì lượng nước sử dụng khoảng 20 m³/đợt nuôi, tuy nhiên lượng nước sử dụng cho vệ sinh trại nuôi không liên tục, khi vệ sinh xong trại này thì mới vệ sinh trại khác (thường vệ sinh 01 trại mất khoảng 02 ngày); trung bình mỗi năm nuôi khoảng 4 đợt thì lượng nước vệ sinh trại trại, máng ăn tại cơ sở là 80 m³/năm.

***Lượng nước cấp cho hoạt động chăn nuôi heo (Q_{NH}):**

Nước uống cho heo (Q_{NUCH}):

Căn cứ vào Thống kê của Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam lượng nước cần thiết cho heo uống mỗi ngày phụ thuộc vào trọng lượng heo và lượng thức ăn cho heo theo từng giai đoạn, cụ thể được trình bày ở bảng sau :

Bảng 1.4. Lượng nước cấp cho heo uống tại cơ sở

Giai đoạn (ngày tuổi)	Trọng lượng heo (kg/con)	Định mức thức ăn (kg/con/ngày)	Định mức nước uống (lít/con/ngày)	Lượng nước uống cho heo (m ³ /ngày)
30 – 60	8 – 18	0,3 – 0,9	1,4 – 2,5	2,8 – 5,0
61 – 80	18 – 30	1,0 – 1,5	2,5 – 3,8	5,0 – 7,6
81 – 120	30 – 60	1,5 – 2,1	3,8 – 5,3	7,6 – 10,6
121 – 150	61 – 75	2,1 – 2,6	5,3 – 6,5	10,6 – 13,0
151 – 170	76 – 100	2,6 – 3,3	6,5 – 8,3	13,0 – 16,6

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát, tổng hợp)

Như vậy, lượng nước cung cấp cho heo uống dao động từ 2,8 – 16,6 m³/ngày.đêm.

Nước cấp cho hệ thống làm mát (Q_{LM}): Hệ thống làm mát được lắp đặt ở mỗi trại là 10 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn heo. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là 02 m³/ngày, lượng

nước này sẽ được tuần hoàn sử dụng, mỗi ngày chỉ bổ sung khoảng 30% lượng nước ban đầu. Vậy lượng nước cơ sở cần cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 02 trại (Q_{LM}) là $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước tắm heo (Q_{TH}): Heo tự tắm tại máng tắm chứ không tắm bằng cách xịt rửa. Vì vậy lượng nước tắm heo được tính theo dung tích thiết kế của máng tắm. Mỗi trại xây dựng 1 máng tắm dọc theo chiều dài của trại nuôi, với bề rộng và chiều sâu được thiết kế sao cho heo có thể nằm mình trong máng theo chiều ngang mà không bị chật chội và nước không ngập quá sâu, lượng nước mỗi lần xả vào hồ tắm heo cao khoảng 10cm. Nước tắm heo trong 1 ngày được tính cụ thể như sau:

+ Mỗi dãy trại đơn được chia thành 10 ô nuôi, mỗi ô có kích thước $9,5\text{m} \times 6,0\text{m}$. Hồ tắm heo tại mỗi ô có kích thước là (Dài x rộng x sâu = $6,0\text{m} \times 1,2\text{m} \times 0,1\text{m}$). Vậy lượng nước tắm heo mỗi ngày của mỗi dãy trại đơn là: $(6,0\text{m} \times 1,2\text{m} \times 0,1\text{m}) \times 10 \text{ ô} \times 01 \text{ lần/ngày} = 7,2 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày}$. Tổng lượng nước tắm heo mỗi ngày của 02 dãy trại đơn là: $14,4 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày}$.

Nước vệ sinh trại heo hàng ngày (Q_{VSHN}): Mô hình chăn nuôi heo ở cơ sở heo được tắm và thải phân trong máng tắm, tuy nhiên, đôi khi heo đi phân trên phần nền trại, công nhân sẽ sử dụng vòi xịt áp lực để dội, định mức 4 lít/m^2 , vệ sinh khoảng 30% diện tích trại nuôi. Tương đương: $(4 \text{ lít/m}^2 \times 30\% \times 2.816 \text{ m}^2)/1000 \approx 3,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước vệ sinh trại heo khi kết thúc đợt nuôi (Q_{VSKT}): định mức rửa bằng vòi xịt cao áp là 4 lít/m^2 , với diện tích 2.816 m^2 (tổng diện tích trại nuôi): $4 \text{ lít/m}^2 \times 2.816 \approx 11,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (chỉ phát sinh khi kết thúc đợt nuôi, không phát sinh thường xuyên). Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 1 trại nuôi nên lượng nước phát sinh trong 1 ngày vệ sinh là: $\approx 5,65 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Như vậy, tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình hoạt động nuôi heo tối đa của cơ sở (Q_{HD}):

$$Q_{HD} = Q_{NUCH} + Q_{LM} + Q_{TH} + Q_{VSHN} + Q_{VSKT}$$

$$= 16,6 + 1,2 + 14,4 + 3,4 + 5,65 = 41,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Bảng 1.5. Tổng nhu cầu lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên (14 người)	1,12
2	Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi gà	7,6
3	Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi heo	41,25
Tổng		49,97

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát, tổng hợp)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quá trình xây dựng cơ sở

Năm 2009, sau khi đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” của DNTH Dư Hoài được Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 139/QĐ.STNMT ngày 19/11/2009; Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung được tiến hành đầu tư và xây dựng trên phần đất có tổng diện tích 25.719,9 m² với quy mô nuôi 60.000 con gà thịt/đợt và 2.000 con heo thịt/đợt được đi vào hoạt động đến nay.

Năm 2013, Cơ sở thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài và được Sở Tài Nguyên và Môi Trường xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” tại Giấy xác nhận số 1167/GXN-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc xác nhận các công trình xử lý chất thải của Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung của Công ty TNHH Một thành viên Dư Hoài đã hoàn thành giai đoạn vận hành thử nghiệm và đủ điều kiện đi vào vận hành chính thức.

Đến năm 2024, Hộ kinh doanh Phạm Văn Rur thực hiện mua lại và tiếp tục hoạt động của trang trại đến nay với 04 dãy trại gà và 02 dãy trại heo.

Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét cấp Giấy phép môi trường cho trang trại để trang trại có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với quy mô: 60.000 con gà/đợt nuôi, mỗi đợt nuôi khoảng 45 ngày. Và 2.000 con heo/đợt nuôi, mỗi đợt nuôi khoảng 5 tháng.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

“Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Phạm Văn Rur” của Hộ kinh doanh Phạm Văn Rur hoạt động với quy mô công suất của cơ sở 60.000 con gà thịt/đợt được chia làm 04 trại nuôi, mỗi dãy trại nuôi 15.000 con gà thịt/đợt và 2.000 con heo thịt/đợt được chia làm 02 trại nuôi, mỗi dãy trại nuôi 1.000 con heo thịt/đợt. Cơ sở bao gồm các hạng mục sau:

Bảng 1.6. Hạng mục các công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục chính	–	–	10.068	–
1	Trại gà	04	13 x 126	6.552	Hiện hữu
2	Kho chứa thức ăn đầu trại gà	04	12,5 x 8	400	Hiện hữu

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Ghi chú
3	Trại heo	02	16 x 88	2.816	Hiện hữu
4	Kho chứa thức ăn đầu trại heo	02	15 x 10	300	Hiện hữu
II	Hạng mục phụ trợ	–	–	3.516,34	–
1	Khu vực đặt máy phát điện	02	3 x 5	30	Hiện hữu
2	Nhà ở công nhân	02	5 x 8	80	Hiện hữu
3	Đường nội bộ, sân bãi, đất trồng, hàng rào	–	2,5 – 3	2.986,34	Hiện hữu
4	Hệ thống cấp nước	08	2,5 x 4	80	Hiện hữu
5	Hố sát trùng	03	4 x 5	20	Hiện hữu
6	Nhà kho	01	8 x 40	320	Hiện hữu
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	–	–	12.135,56	–
<i>Hạng mục chung</i>					
1	Nhà vệ sinh	02	2,5 x 4	20	Hiện hữu
2	Kho chứa chất thải nguy hại	01	2,5 x 4	10	Hiện hữu
3	Khu vực xử lý xác heo, gà chết (khi không có dịch bệnh)	01	10 x 10	100	Hiện hữu
4	Khu vực xử lý xác heo, gà và phân gà khi có dịch bệnh xảy ra	01	30 x 100	3.000	Hiện hữu
<i>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường khu vực chăn nuôi gà</i>					
1	Hố thu gom nước thải trại gà	04	1 x 1	04	Hiện hữu

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Ghi chú
2	Túi lắng	02	2,5 x 4	20	Mới
3	Ao sinh học 01	01	50 x 60	3.000	Cải tạo lại
Hạng mục công trình bảo vệ môi trường khu vực chăn nuôi heo					
1	Rãnh thu gom nước thải trại heo	04	0,6 x 88	211,2	Hiện hữu
2	Hố ga	24	0,8 x 0,8	15,36	Hiện hữu
3	Hố tập trung phân	01	2 x 2,5	05	Hiện hữu
4	Hầm ủ Biogas	01	20 x 20	400	Cải tạo lại
5	Ao lắng	01	15 x 90	1.350	Cải tạo lại
6	Ao sinh học 02	01	20 x 200	4.000	Cải tạo lại
Tổng cộng				25.719,9	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

5.2.1. Các hạng mục công trình chính

a. Trại nuôi gà: Bao gồm 04 dãy trại nuôi nằm song song, tổng diện tích 04 dãy trại nuôi là 6.552 m². Mỗi trại có kích thước 13m x 126m, diện tích 1.638 m²/trại.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 60cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

b. Kho thức ăn đầu trại gà: Tổng diện tích 4 kho là 400 m² được xây dựng liền kề ở đầu mỗi trại, mỗi kho diện tích 100m².

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

c. Trại nuôi heo: Bao gồm 02 dãy trại nuôi nằm song song, tổng diện tích 02 dãy trại nuôi là 2.816 m². Mỗi trại có kích thước 16m x 8m, diện tích 1.408 m²/trại.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 60cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

d. Kho thức ăn đầu trại heo: Tổng diện tích 2 kho là 300 m² được xây dựng liền kề ở đầu mỗi trại, mỗi kho diện tích 150m².

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- **Khu vực đặt máy phát điện:** Có 2 khu vực đặt máy phát điện cho trại gà và heo riêng biệt với tổng diện tích là 30m², mỗi khu có diện tích 15m².

+ Nền tráng bê tông cao 30cm; mái lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- **Nhà ở công nhân:** Số lượng 2, diện tích mỗi nhà ở công nhân là 40m², có kết cấu như sau:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- **Đường nội bộ, sân bãi, đất trồng, hệ thống hàng rào:** Diện tích 986,34 m².

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liền kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường bê tông: 2,5 – 3,0 m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của cơ sở được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vững chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

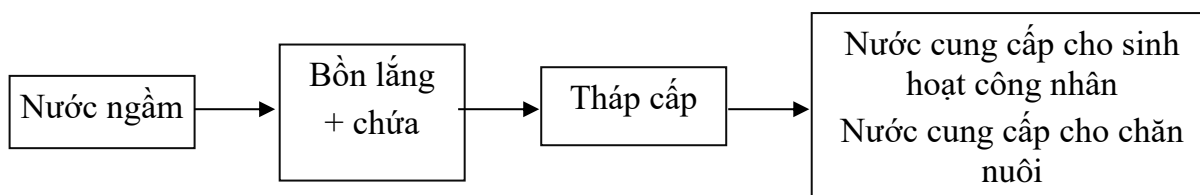
Hàng rào: Mặt trước cơ sở hướng quốc lộ 1A được xây dựng tường cao 3m, xung quanh cơ sở hàng rào được đổ đá, trụ bê tông sử dụng lưới B40 bao quanh.

- **Hệ thống cấp nước:** Tổng diện tích 80 m²

Nguồn nước cho sinh hoạt của cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm trong khu vực cơ sở.

Nguồn nước cho hoạt động chăn nuôi được lấy từ giếng khoan của cơ sở.

Cơ sở có tổng 08 giếng khoan ở mỗi dãy trại cung cấp đầy đủ nước cho sinh hoạt và chăn nuôi. Nước ngầm sẽ được đưa qua công đoạn lắng, bơm lên đài nước và phân phối đến mạng lưới sử dụng theo sơ đồ sau:



Hình 1.5. Sơ đồ xử lý nước ngầm

- **Nhà sát trùng:** Nhà sát trùng được bố trí ở cổng ra vào trại với diện tích khoảng 20m². Nhà sát trùng có tác dụng sát khuẩn các đối tượng ra vào trại bằng các dung dịch có tính sát khuẩn như nước vôi.

- **Nhà kho:** Được xây dựng với quy cách 8m x 40m = 320m², mái lợp tole được che chắn xung quanh, kho dùng làm nơi để chứa các công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở.

5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Hạng mục công trình bảo vệ môi trường chung

- **Nhà vệ sinh:** Có tổng 02 nhà vệ sinh trong cơ sở. Diện tích 20m².

+ Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- **Kho chứa chất thải nguy hại:** Diện tích 10m², kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có thùng chứa có nắp đậy, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- **Khu vực xử lý xác heo, gà chết không do dịch bệnh:** Xác heo, gà chết không do dịch bệnh được bố trí chôn lấp ở khu vực đất trống trong cơ sở có diện tích 100m².

- **Khu vực xử lý xác heo, gà chết khi có dịch bệnh xảy ra:** Chủ cơ sở bố trí khu vực có diện tích là 3.000 m² để xử lý xác gia cầm chết khi xảy ra dịch bệnh. Vị trí chôn lấp được bố trí cách dãy chuồng nuôi 30m, xác động vật chết do dịch bệnh sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

Hạng mục công trình bảo vệ môi trường khu vực chăn nuôi gà

- **Hố thu gom nước thải:** 04 hố thu gom nước thải có tổng diện tích 04 m² được bố trí tại cuối mỗi dãy trại gà với mục đích thu gom nước thải vệ sinh trại trại sau mỗi đợt nuôi.

- **Túi lắng:** Đây là hạng mục công trình dùng để xử lý nước thải từ việc vệ sinh trại trại. Có tổng 02 túi lắng được chia ra dùng cho 04 dãy trại, cụ thể: Trại 01,02 dùng chung 01 túi lắng có thể tích 20 m³; Trại 03,04 dùng chung 01 túi lắng có thể tích 20 m³. Nước thải phát sinh từ các dãy trại nuôi được thu gom và theo đường ống PVC D60 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào túi để xử lý. Nước thải sau xử lý từ túi lắng sẽ tự chảy vào ao sinh học để thực hiện công đoạn xử lý tiếp theo.

- **Ao sinh học 01:** Ao có diện tích 3.000 m² sâu 2m với thể tích 6.000 m³ được bố trí nằm sau các dãy trại gà, để xử lý và lưu chứa nước thải từ túi lắng. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,... để xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B.

Hạng mục công trình bảo vệ môi trường khu vực chăn nuôi heo

- **Rãnh thu gom nước thải trại heo:** Nước thải phát sinh từ 02 dãy chuồng sẽ được thu gom bằng các rãnh bê tông rộng 0,6 m x sâu 0,6 m, dài 352m được bố trí hai bên ngoài mỗi dãy chuồng, các rãnh này được thiết kế có độ dốc khoảng 5% để đảm bảo có thể thoát hoàn toàn phân và nước thải từ dãy chuồng nuôi vào các nút hố ga cặp bên ngoài chuồng.

- **Hố ga thoát nước thải:** Tổng cộng có 24 hố ga, mỗi dãy chuồng được bố trí 12 hố ga để thu gom và thoát chất thải từ quá trình nuôi, mỗi hố có thể tích chứa 0,64 m³.

- **Hố tập trung phân:** có diện tích 5m² và thể tích 10m³. Tập kết phân heo từ các có ga vào Hầm ủ Biogas.

- **Hầm ủ Biogas:** thể tích hầm chứa túi Biogas thiết kế 20m x 20m x 3,5m = 1.400 m³ để xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh trại heo hàng ngày. Bạt HDPE lót chống thấm hầm chứa có độ dày mặt đáy 0,75mm, khối lượng riêng 0,7 kg/m² và độ dày mặt phủ 1mm, khối lượng riêng 0,94 kg/m².

- **Ao lắng:** xử lý nước thải sau biogas: kích thước 15m x 90m x 2,0m = 2.700 m³; Ao đất được lót bạc chống thấm, có loại thực vật có khả năng xử lý các chất hữu cơ có trong nước thải.

- **Ao sinh học 02:** Ao đất có kích thước 20m x 200m x 4m = 16.000m³, được bố trí nằm nối liền với Ao lắng. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,... để lưu chứa và xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Nơi sản xuất
Thiết bị đầu tư chung					
1	Máy phun nước áp lực cao	Cái	03	1,5 HP	Đài Loan
2	Bình chữa cháy	Bình	30	-	Việt Nam
Thiết bị đầu tư cho trại gà					
1	Hệ thống máng ăn, nước uống tự động	Bộ	08	-	Thái Lan
2	Giếng khoan	Giếng	04	-	-
3	Máy bơm nước	Cái	04	1HP	Đài Loan
4	Bồn nhựa	Cái	04	1 m ³	Thái Lan
5	Quạt hút 48"	Cái	40	1 HP	Thái Lan
6	Máy phát điện dự phòng	Cái	01	200 KVA	Nhật
7	Tấm làm mát	Tấm	400	-	Thái Lan
8	Hệ thống điện gồm: tủ điện, bơm điều khiển nhiệt độ tự động, hệ thống dây điện	Bộ	04	-	Việt Nam
9	Hệ thống bạt trần nhựa PVC màu đen	Cây	15	2m x 130m	Đài Loan
Thiết bị đầu tư cho trại heo					
1	Hệ thống máng ăn tự động	Hệ thống	02	-	Đài Loan
2	Máy bơm nước	Cái	02	1 HP	Việt Nam
3	Bồn nhựa chứa nước	Cái	04	1 m ³	Việt Nam
4	Quạt hút 1.1m	Cái	20	1 HP	Thái Lan
5	Tấm làm mát	Tấm	200	-	Thái Lan
6	Máy phát điện dự phòng	Cái	01	150 KVA	Nhật

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Nơi sản xuất
7	Hệ thống bạt trần nhựa PVC màu đen	Cây	10	2m x 130m	Đài Loan
8	Hệ thống điện gồm: tủ điện, bơm điều khiển nhiệt độ tự động, hệ thống dây điện	Bộ	02	-	Việt Nam

Ghi chú: “ - ” Không xác định

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở:

Chủ trang trại trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Phạm Văn Rư”.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư góp phần phát triển công nghiệp của tỉnh, vào mục tiêu phát triển các lĩnh vực đang được thu hút đầu tư, đóng góp quan trọng trong chiến lược và quy hoạch phát triển ngành, qua đó sẽ góp phần thúc đẩy và tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, cơ sở còn phù hợp với mục tiêu xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất lớn, tập trung, hiện đại, hiệu quả; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động ngành chăn nuôi.

Với mục tiêu này sẽ đáp ứng nhiệm vụ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Một trong những nội dung của quyết định là xác định nhiệm vụ giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải rắn, nguy hại để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

Cơ sở phù hợp với kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Về sự phù hợp với kế hoạch sử dụng đất: dự án hoàn toàn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của huyện Châu Thành và được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” tại Quyết định số 139/QĐ.STNMT ngày 19/11/2009.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo khoản 1 điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 của Thông tư 76/2107/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD5, Amoni, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

2.1. Đánh giá chung

a. Vị trí nguồn tiếp nhận

Vị trí xả thải của Trang trại:

- Đối với trại gà vị trí xả thải là Ao sinh học 01.
- Đối với trại heo vị trí xả thải là Ao sinh học 02.

b. Đặc điểm, hiện trạng nguồn tiếp nhận

Qua khảo sát thực tế khi thực hiện báo cáo, hệ thống Ao sinh học tại trang trại có những đặc điểm, hiện trạng như sau:

- Kích thước:

+ Ao sinh học 01 (tiếp nhận nước thải từ 04 trại gà) có kích thước dài 50m x rộng 60m x sâu 2m có diện tích 3.000 m² và thể tích 6.000 m³.

+ Ao sinh học 02 (tiếp nhận nước thải từ 02 trại heo) có kích thước dài 200m x rộng 20m x sâu 4m có diện tích 4.000m² và thể tích 16.000m³.

Cả 2 ao sinh học đều có chung đặc điểm, hiện trạng sau:

- Màu sắc màu tự nhiên, không phát hiện màu sắc lạ
- Không phát hiện mùi hôi thối do ô nhiễm
- Thực vật xung quanh ao phát triển khá tốt, thành phần chủ yếu có lục bình, rau muống...
- Không phát hiện các dấu hiệu bất thường hay các yếu tố ô nhiễm khác.

c. Đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với nguồn tiếp nhận từ hoạt động xả nước thải

- *Khả năng ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận*

+ Đối với Ao sinh học 01: Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (45 – 70 ngày) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, cơ sở sử dụng máy nén xít nên lượng nước sử dụng rất ít, lưu lượng 5m³/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 20m³. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là Ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.

+ Đối với Ao sinh học 02: Lượng nước thải vệ sinh hàng ngày là tối đa khoảng 26 m³/ngày. Lưu lượng xả thải được đánh giá là rất nhỏ so với lưu lượng của ao sinh học, do đó ảnh hưởng này được xem là không đáng kể.

- *Khả năng ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt, đời sống thủy sinh vật*

Trong nước thải của cơ sở chứa các chất ô nhiễm hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng, vi sinh gây bệnh... với nồng độ tương đối thấp nên hầu như có ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nguồn nước.

Các chất ô nhiễm là nguyên nhân gây ra các ảnh hưởng như gây hiện tượng phú dưỡng hóa, làm tăng độ đục, gây bệnh dịch tả, thương hàn, ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh vật...

Tuy nhiên, với việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất phù hợp để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận sẽ hạn chế các ảnh hưởng nêu trên. Qua đó, khắc phục và kiểm soát tốt các tác động từ nước thải đến chất lượng của nguồn nước tiếp nhận.

Kết luận: Từ các phân tích, đánh giá trên có thể thấy rằng nguồn nước mặt của các ao sinh học có thể còn khả năng tiếp nhận nước thải của cơ sở.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tổng diện tích đất của cơ sở là 25.719,9 m², với lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong năm 2021 (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng), lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của cơ sở vào thời điểm mưa lớn nhất được tính như sau:

$$V = Q/30 \times (1 - \psi) \times S$$

Q: lượng mưa cao nhất trong tháng (Q= 0,324m).

S: diện tích (S: 25.719,9 m²)

ψ : hệ số thấm (ψ : 0,2 theo TCN 153:2006).

$$V = 0,324/30 \times (1 - 0,2) \times 25.719,9 = 222,22 \text{ m}^3.$$

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích cơ sở khoảng 222,22 m³/ngày (khi có mưa lớn nhất trong tháng).

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và bố trí các rãnh nhỏ thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lề đường,... đảm bảo nước mưa thoát vào Ao sinh học phía sau các dãy trại.

- Đối với nước mưa trên mái nhà: nước mưa sẽ theo độ dốc của mái nhà chảy xuống rãnh thoát nước mưa của cơ sở, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận là ao sinh học.

Bên cạnh đó, chủ cơ sở luôn duy trì việc nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mưa được thông suốt và sạch sẽ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và sản xuất của cơ sở.

(Sơ đồ thoát nước mưa được đính kèm trong phụ lục).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào 02 hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích thiết kế là 04m³ mỗi hầm để loại bỏ phần cặn lắng, sau khi xử lý sẽ thông qua đường ống PVC có đường kính 90 mm, chiều dài khoảng 100 m thải ra nguồn tiếp nhận là Ao sinh học 01.

b) Nước thải chăn nuôi:

- **Nước thải từ hoạt động chăn nuôi gà:**

Nền trại có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào các hố thu gom nước thải được đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 1m x dài 1m x sâu 1m được bố trí bên trong mỗi dãy trại, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy trại nuôi.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo:

Nền chuồng có độ dốc 5% để đảm bảo việc thoát nước vào hố ga có thể tích 0,64 m³ (kích thước 0,8 x 0,8 x 1 m), sau đó được thoát vào hệ thống thoát nước thải bằng rãnh bê tông có kích thước rộng 0,6m x dài 88 m x sâu 0,6 m được bố trí phía ngoài mỗi dãy chuồng để thu gom và xử lý.

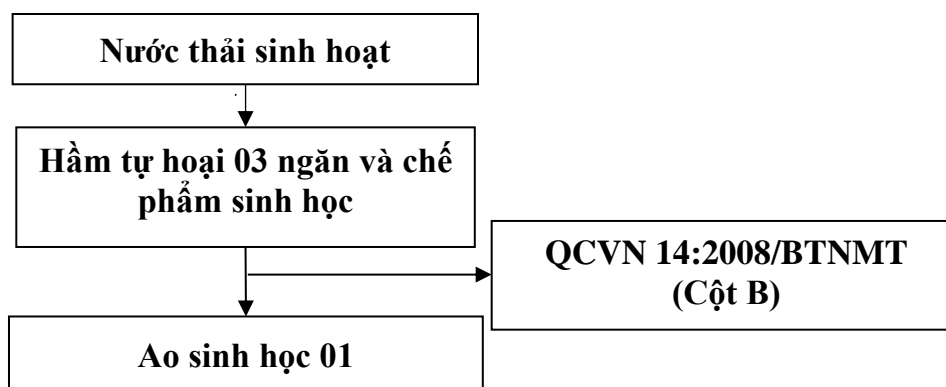
Hệ thống thu gom gồm có Rãnh thu nước thải và hố ga:

- Rãnh thu gom nước thải bằng bê tông, mỗi trại có 2 rãnh chạy dọc chiều dài khoảng 88m. Tổng chiều dài của rãnh thu nước của 2 trại là 352m.
- Kích thước rãnh thu ở mỗi trại: rộng 0,6m x dài 88 m x sâu 0,6 m.
- Hố ga: 24 cái, kích thước 0,8 x 0,8 x 1 m.
- Vật liệu: Bê tông cốt thép.

1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại cơ sở, kết hợp sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là Ao sinh học 01.

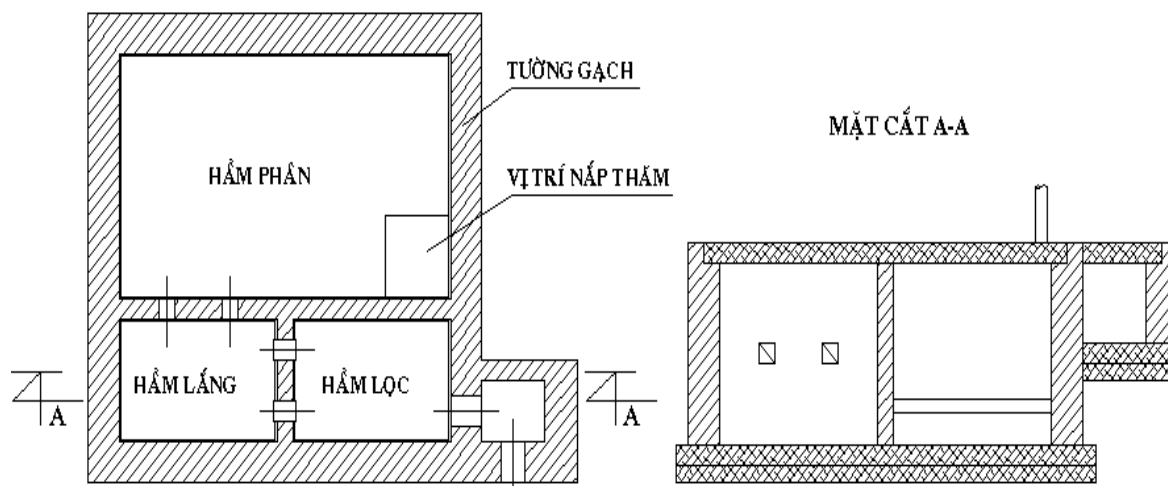


Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Bể tự hoại 03 ngăn có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng TSS. Bên cạnh đó, cơ sở còn sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt

đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của cơ sở được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$

Trong đó:

W_1 : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại, $W_1 = q.N.T_1/1000$.

W_2 : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn, W_2 được xác định bằng công thức sau: $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$.

q : tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy $q = 96$ lít/ngày.

N : số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 6 công nhân, vậy lấy $N = 14$

T_1 : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại, $T_1 = 3$ ngày.

a : tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày, $a = 0,81$ lít/ngày.

b: hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, $b = 0,7$.

c: hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút, $c = 1,2$.

p_1 : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, $p_1 = 95\%$.

p_2 : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, $p_2 = 90\%$.

T_2 : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, $T_2 = 180$ ngày.

Như vậy, theo công thức (*) tổng thể tích bể tự hoại là $4,9 \text{ m}^3$.

Trang trại sử dụng 02 hầm tự hoại với thể tích mỗi hầm là 04 m^3 nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại kết hợp với chế phẩm sinh học đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là Ao sinh học 01 bằng đường ống PVC có đường kính 90mm, chiều dài khoảng 100m.

b) Nước thải chăn nuôi:

Tổng lượng nước thải chăn nuôi phát sinh tối đa tại cơ sở là: từ $23,4 - 30,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Trong đó bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải vệ sinh chuồng trại gà vào cuối đợt nuôi ($5 \text{ m}^3/\text{trại}/\text{ngày}$) được xử lý và lưu chứa trong Ao sinh học 01.

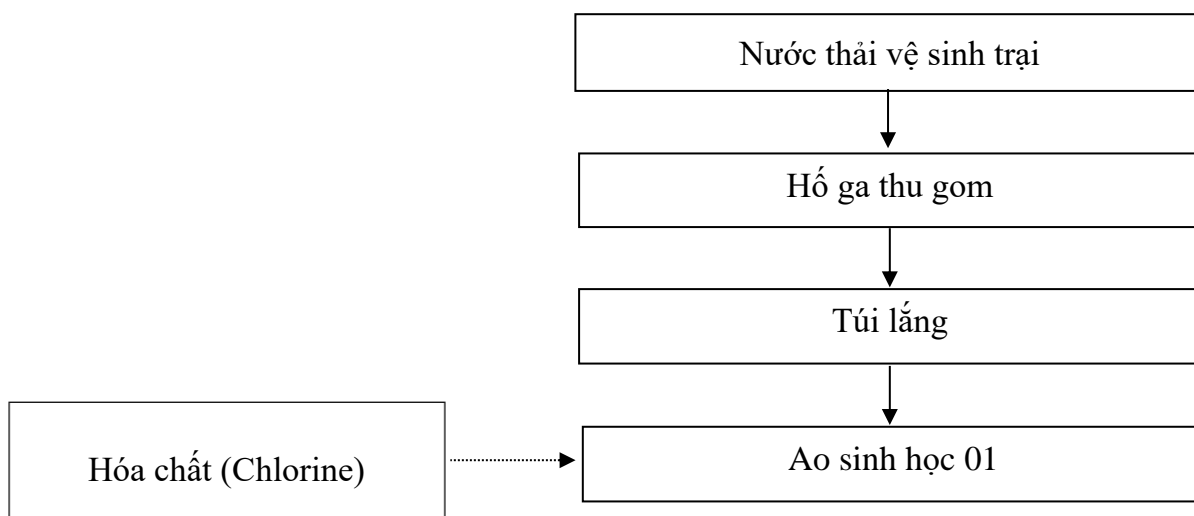
Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo từ $18,4 - 25,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sau khi xử lý bằng biogas kết hợp ao lắng đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B tự chảy theo đường thoát nước thải ra Ao sinh học 02 thông qua ống nhựa PVC D220 chiều dài 4m để tiếp tục xử lý và lưu chứa.

Vị trí, phương thức xả thải của trang trại như sau: Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được lưu chứa tại ao sinh học và không xả thải ra nguồn tiếp nhận.

*** Nước thải từ hoạt động chăn nuôi gà:**

Nước thải từ vệ sinh trại trại phát sinh khoảng $20 \text{ m}^3/\text{đợt}$ nuôi; do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 dãy trại kéo dài trong khoảng 04 ngày nên lượng nước thải phát sinh là $05 \text{ m}^3/\text{ngày}$; có thành phần chủ yếu là rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các loại vi sinh, bên cạnh đó, nước thải của trang trại có nồng độ các chất ô nhiễm thấp vì chủ yếu là vệ sinh trại trại. Toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B và lưu chứa tại Ao sinh học 01.

Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi (nước thải từ vệ sinh các dãy trại) được trình bày bằng sơ đồ cụ thể như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi gà tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi gà

Nước thải vệ sinh trại sau mỗi đợt nuôi được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D60 chiều dài từ 10m-20m tùy vị trí của dãy trại chảy vào Túi lắng được bố trí dùng cho các dãy trại để xử lý. Trong túi lắng sẽ diễn ra quá trình điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất thải hữu cơ của quá trình chăn nuôi, thời gian xử lý là 30 ngày. Sau đó nước thải chảy vào ao sinh học thể tích 6.000 m³ để tiếp tục quá trình phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao để đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B).

Mô tả chi tiết hệ thống

Hệ thống ống thu gom nước thải

Hệ thống ống thu gom nước thải được đặt ở cuối mỗi dãy trại để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau cuối mỗi đợt nuôi; lượng nước thải thu gom sau đó theo ống tròn bằng nhựa PVC D60 vào túi lắng để xử lý.

Túi lắng

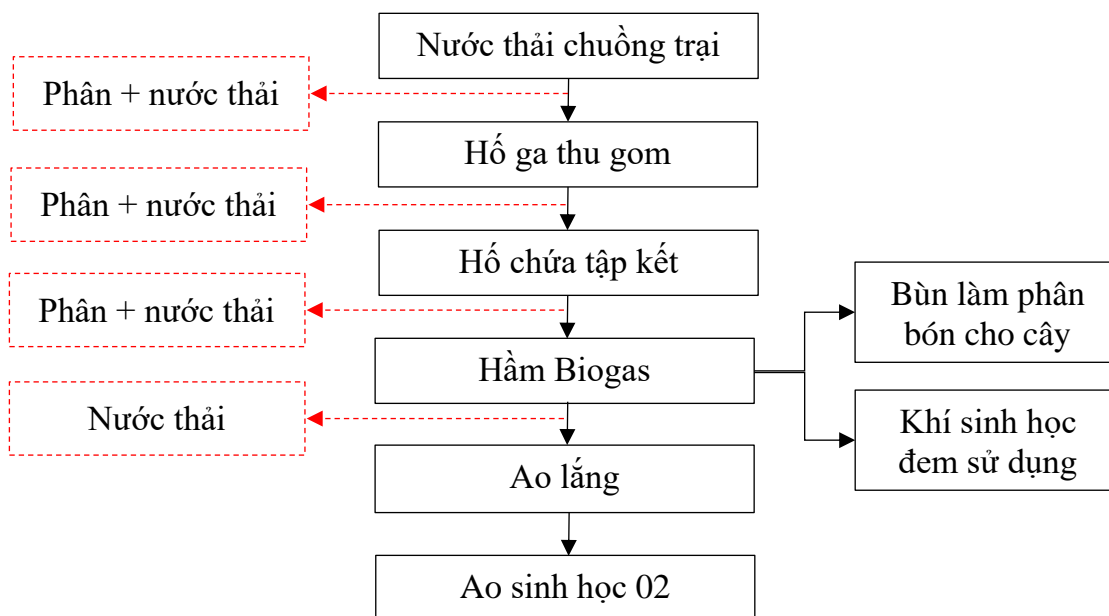
Nước thải từ hồ thu gom theo đường ống vào túi lắng tại đây nước thải trong môi trường yếm khí tạo điều kiện cho vi sinh vật yếm khí hoạt động. Nhờ hoạt động của hệ vi khuẩn yếm khí phân giải các hợp chất hữu cơ nhỏ thành các axit béo nhẹ và chuyển hóa thành khí sinh học. Qua đó làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải như: BOD, COD, SS,..Phần bùn cặn của túi ủ sau quá trình xử lý sẽ được thu gom định kỳ 2 năm/lần để bón phân cho cây trồng trong khuôn viên dự án.

Ao sinh học

Nước thải sau xử lý từ túi lắng chảy vào ao sinh học. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa

các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%). Đồng thời, chủ cơ sở bổ sung chlorine để xử lý nước tại ao sinh học đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Nước thải được lưu chứa tại ao và không thải ra nguồn tiếp nhận.

*** Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo:**



Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi heo tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi heo

- **Nguồn phát sinh:** Lượng nước thải trong hoạt động chăn nuôi heo bao gồm: nước tắm heo, nước rửa chuồng hàng ngày và nước tiểu của heo. Đây là những nguồn nước thải phát sinh thường xuyên.

+ **Nước tắm heo:** Mỗi dãy trại đơn được chia thành 10 ô nuôi, mỗi ô có kích thước 9,5m×6,0m. Hồ tắm heo tại mỗi ô có kích thước là (Dài x rộng x sâu = 6,0m×1,2m×0,1m). Vậy lượng nước tắm heo mỗi ngày của mỗi dãy trại đơn là: (6,0m × 1,2m × 0,1m) × 10 ô × 01 lần/ngày = 7,2 m³ nước/ngày. Tổng lượng nước tắm heo mỗi ngày của 02 dãy trại đơn là: 14,4 m³ nước/ngày.

+ **Nước rửa chuồng hàng ngày:** Mô hình chăn nuôi heo ở cơ sở heo được tắm và thải phân trong máng tắm, tuy nhiên, đôi khi heo đi phân trên phần nền trại, công nhân sẽ sử dụng vòi xịt áp lực để dội, định mức 4 lít/m², vệ sinh khoảng 30% diện tích trại nuôi. Tương đương: (4 lít/m² x 30% x 2.816 m²)/1000 ≈ 3,4 m³/ngày.đêm.

+ **Nước tiểu của heo:** lượng nước tiểu của heo được thống kê theo bảng sau:

Bảng 3.1. Lưu lượng nước tiểu của heo tại cơ sở

Tuần tuổi	Trọng lượng heo (kg/con)	Định mức nước tiểu (lít/con/ngày)	Tổng lưu lượng nước tiểu (m³/ngày)
4 – 6	8 – 15	0,3 – 0,7	0,6 – 1,4
6 – 12	15 – 45	0,7 – 2,0	1,4 – 4,0
12 – 22	45 – 100	2,0 – 4,0	4,0 – 8,0

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát, tổng hợp)

Theo thông kê trên có thể thấy tổng lượng nước tiểu của heo trại cơ sở phát sinh ít nhất 0,6 m³/ngày và tối đa là 8 m³/ngày.

Vậy tổng lượng nước thải từ các nguồn phát sinh cho hoạt động chăn nuôi heo tại cơ sở bao gồm: Nước tắm heo + Nước rửa chuồng hàng ngày + Nước tiểu của heo = 14,4 + 3,4 + (từ 0,6 – 8,0) = từ 18,4 – 25,8 m³/ngày.

- Xử lý nước thải chăn nuôi heo:

+ Phân và nước thải vệ sinh hàng ngày từ các dãy chuồng nuôi heo được thu gom về 24 nút hố ga và được dẫn vào hầm biogas có thể tích 1.400 m³.

Trong đó, 12 hố ga của dãy chuồng số 01 sẽ chảy trực tiếp xuống hầm Biogas có thể tích 1.400 m³ bằng đường ống PVC D114, còn 12 hố ga của dãy chuồng nuôi số 02 do nằm cách xa hầm Biogas, do đó sẽ chảy về hố chứa tập kết phân trước sau đó mới chảy về hầm Biogas bằng đường ống PVC D220, với tổng chiều dài tuyến thu gom khoảng 100 m. Và được giữ lại khoảng 25 – 30 ngày sẽ tự chảy qua ao lắng tại đây nước thải sẽ được lưu giữ khoảng 35 ngày và thông qua đường ống PVC D220 dài 4m đến ao sinh học 02 để tiếp tục xử lý và lưu chứa.

+ Hầm ủ biogas được xây dựng loại hầm ủ phủ bạt HDPE, đây là bể xử lý yếm khí để xử lý nước thải, chất thải nhờ các vi sinh vật yếm khí. Tại hầm ủ các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất dạng đơn giản và khí biogas (CO₂, CH₄, H₂S, NH₃,...) theo phản ứng sau:

Chất hữu cơ + VSV kỵ khí → CO₂ + CH₄ + H₂S + NH₃ + các chất khác + năng lượng.

Chất hữu cơ + vi sinh vật kỵ khí + năng lượng → C₅H₇O₂N (tế bào vi khuẩn mới)

(Nguồn: Ths. Lê Hoàng Việt, Quản lý và xử lý chất thải hữu cơ, Khoa Công Nghệ, Đại học Cần Thơ, 2001).

Yếu tố kỹ thuật liên quan:

+ Hầm ủ Biogas gồm: thiết kế: 20m x 20m x 3,5m = 1.400 m³ so với lưu lượng nước thải được tính toán theo định mức phát sinh khoảng 18,4 – 25,8 m³/ngày.

+ Áp lực biogas chịu được của nắp hầm: 30cm cột nước; Hệ thống có gắn 02 van an toàn, áp suất 20cm cột nước;

+ Bạt HDPE lót hầm chứa độ dày 0,75mm, khối lượng riêng 0,7 kg/m²;

+ Bạt HDPE phủ bề mặt (nắp) hầm độ dày 1mm, khối lượng riêng 0,94 kg/m²;

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

- + Ống dẫn chất thải vào, ra của hầm ủ: ống nhựa PVC D220;
- + Bộ phận thu khí sinh học: 02 mặt bít nhựa D60 (trên nắp hầm ủ);
- + Hệ thống đường ống nhựa dẫn khí sinh học D60;
- + Dung tích hữu ích chứa phân chiếm khoảng 80% thể tích hầm: 1.120 m³;
- + Thể tích chứa khí sinh học chiếm khoảng 20% thể tích hầm: 280 m³.

+ Phân sau thời gian lưu tồn tại hầm ủ khoảng 25 – 30 ngày sẽ sản sinh khí sinh học gồm: Thành phần khí sinh học CH₄ chiếm khoảng 60 – 70%, CO₂ chiếm khoảng 30 – 40%, H₂S chiếm 0 – 1%, hơi nước 0 – 5%. Khí thải từ hầm biogas được đem sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Tuy nhiên, khi hầm biogas có dấu hiệu bị quá tải khí nhân viên tại cơ sở sẽ thực hiện đốt bỏ.

+ Bùn thải được lấy ra định kỳ sau thời gian lưu tồn trong hầm ủ biogas khoảng 5 năm. Phương pháp lấy bùn thải, sử dụng máy hút thông qua ống nạp để hút khoảng 80 – 85% lượng bùn ra khỏi hầm ủ biogas, để lại khoảng 15 – 20% lượng bùn trong bể để làm chất môi giúp cho quá trình sinh khí được diễn ra nhanh hơn.

Quy trình xử lý nước thải sau biogas:

+ Nước thải sau thời gian lưu tồn tại hầm ủ biogas khoảng 25 – 30 ngày sẽ tự chảy tràn qua hệ thống ao lắng và ao sinh học 02 theo trình tự từ ao lắng chảy qua ao sinh học, hai ao được nối với nhau bằng các đường ống PVC đường kính 220 mm, trong các ao sẽ trồng các loại thực vật thủy sinh như: lục bình, rau dại,... kết hợp với việc sử dụng chế phẩm vi sinh vật EM để xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải để làm giảm nồng độ chất ô nhiễm trước khi ra bên ngoài môi trường.

+ Ao lắng : có thể tích 2.700 m³ (15m x 90m x 2m), có chức năng lắng các chất rắn lơ lửng có trong nước thải xử lý một phần BOD₅, COD và nitrogen nhờ sử dụng chế phẩm vi sinh vật E.M. Nitrogen trong hồ sẽ được xử lý bằng quá trình nitrat hóa. Nước thải sau thời gian lưu tồn tại ao lắng khoảng 35 ngày sẽ tự chảy tràn về ao sinh học.

+ Ao sinh học 02: có thể tích 16.000 m³ (200m x 20m x 4m), trong ao trồng các loại thực vật thủy sinh. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%). Đồng thời, chủ cơ sở bổ sung chlorine để xử lý nước tại ao sinh học đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Nước thải được lưu chứa tại ao và không thải ra nguồn tiếp nhận.

Bảng 3.2. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m ³)	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
Công trình xử lý nước thải chăn nuôi gà					

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m ³)	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
1	Hồ thu gom	04	4	1 x 1 x 1	Thành và đáy bằng bê tông
2	Túi lắg	02	20	2 x 2,5 x 2	Bạt HDPE lót chống thấm hầm chứa độ dày 0,7mm, khối lượng riêng 0,47 kg/m ² ;
3	Ao sinh học 01	01	6.000	50 x 60 x 2	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
Công trình xử lý nước thải chăn nuôi heo					
1	Rãnh thu	04	126,72	0,6 x 88 x 0,6	Thành và đáy bằng bê tông
2	Hố ga	24	0,64	0,8 x 0,8 x 1	Thành và đáy bằng bê tông
3	Hầm ủ Biogas	01	1.400	20 x 20 x 3,5	Bạt HDPE lót chống thấm hầm chứa có độ dày mặt đáy 0,75mm, khối lượng riêng 0,7 kg/m ² và độ dày mặt phủ 1mm, khối lượng riêng 0,94 kg/m ² .
4	Ao lắg	01	2.700	15 x 90 x 2	Ao đất được lót bạt chống thấm, có loại thực vật có khả năng xử lý các chất hữu cơ có trong nước thải.
5	Ao sinh học 02	01	16.000	200 x 20 x 4	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H₂S, NH₃, CO₂...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận

chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 10 quạt hút ở mỗi dãy trại để đảm bảo không gian trong trại luôn phải đảm bảo được thông thoáng.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở và nhất là phía sau các quạt hút của các dãy trại nuôi. Bên cạnh đó, sau trại nuôi chủ cơ sở còn xây dựng thêm dãy tole che chắn với chiều cao 2m, khoảng cách từ quạt hút đến tole chắn là 2,5m để hạn chế bụi và mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy trại nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.

- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.

- Giải pháp xử lý mùi hôi từ các hố ga: Công nhân định kỳ 2 lần/ngày sẽ kiểm tra các hố ga thoát nước thải của cơ sở. Trong trường hợp hố ga bị nghẹt sẽ kịp thời thông tắt nhằm tránh tình trạng bị ứ đọng phân và nước thải tại các hố ga làm phát sinh mùi hôi khó chịu.

- Chủ cơ sở trang bị các nắp đậy cho các hố ga.

- Đối với máy phát điện: Đặt máy phát điện nơi thông thoáng để khi vận hành các khí thải phát sinh dễ dàng pha loãng nồng độ các chất ô nhiễm vào môi trường không khí xung quanh.

- Đối với khí từ hầm ủ biogas: Lượng khí phát sinh được chủ cơ sở dùng làm nhiên liệu đốt để sử dụng, trong trường hợp khí phát sinh nhiều chủ cơ sở sẽ đốt bỏ để tránh tình trạng khí thải từ hầm ủ biogas thoát ra ngoài.

Như vậy, lượng mùi hôi đã bị giảm thiểu đáng kể, không gây ảnh hưởng đến hộ dân cách xa trong khu vực cơ sở.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở: Công nhân làm việc tại cơ sở là 14 người. Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực cơ sở là 0,8 kg/người/ngày thì tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 11,2 kg/ngày. Thành phần bao gồm hộp đựng thức ăn, thực phẩm dư thừa,...

- Chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý như sau: Bố trí khoảng 6 thùng rác loại 50 lít được bố trí tại đầu mỗi dãy trại. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bọc nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vớt bỏ.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:

- **Bao bì đựng thức ăn:** Lượng bao bì đựng thức ăn tại cơ sở là 7,6 tấn/năm. Trong đó:

Lượng thức ăn sử dụng cho gà ăn mỗi đợt nuôi là 250 tấn, thức ăn được chứa trong bao 25kg tương đương 10.000 bao/đợt. Mỗi vỏ bao thức ăn loại 25kg có trọng lượng 0,1kg vậy lượng bao bì đựng thức ăn cho gà mỗi đợt là: $10.000 \text{ bao} \times 0,1\text{kg} = 1.000\text{kg} = 1 \text{ tấn/đợt}$, mỗi năm 4 đợt = 4 tấn/năm.

Tương tự, lượng thức ăn sử dụng cho heo ăn mỗi đợt nuôi là 450 tấn, thức ăn được chứa trong bao 50kg tương đương 9.000 bao/đợt. Mỗi vỏ bao thức ăn loại 50kg có trọng lượng 0,2kg vậy lượng bao bì đựng thức ăn cho gà mỗi đợt là: $9.000 \text{ bao} \times 0,2\text{kg} = 1.800\text{kg} = 1,8 \text{ tấn/đợt}$, mỗi năm 2 đợt = 3,6 tấn/năm.

Toàn bộ lượng bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trang trại và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom hoặc bán cho các cơ sở thu mua phân gà để lưu chứa phân. Đối với các loại bao bì rách không tái sử dụng trở lại sẽ được thu gom và thiêu hủy trong khuôn viên trang trại.

- **Bùn thải từ hầm ủ biogas:** Sẽ được lấy ra định kỳ sau thời gian 5 năm, lượng bùn được lấy ra khoảng 80% thể tích bùn có trong hầm chứa, tải lượng bùn sau mỗi đợt lấy khoảng 1.300 m³. Và sẽ được trang trại tiến hành phun chế phẩm xử lý mùi hôi Enchoice trên toàn bộ mặt sân chứa bùn (2.000 m²) nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh. Phương pháp lấy bùn thải, sử dụng máy hút thông qua ống nạp để hút khoảng 80 - 85% lượng bùn ra khỏi hầm ủ biogas, để lại khoảng 15 -20% lượng bùn trong bể để làm chất môi giúp cho quá trình sinh khí được diễn ra nhanh hơn. Toàn bộ lượng bùn sẽ được sử dụng để bón cho cây xanh trong khuôn viên trại.

- **Bùn từ quá trình nạo vét ao sinh học:** 2 năm 1 lần chủ cơ sở sẽ nạo vét bùn trong các ao sinh học để đảm bảo các ao sinh học không bị bồi lắng. Thông thường lượng bùn được sên sẽ có độ sâu khoảng 10-20 cm. Tổng lượng bùn phát sinh trong ao

khoảng 1.600 m³/năm (tổng diện tích 2 ao sinh học là 8.000 m² x 0,2 m độ sâu nạo vét = 1.600 m³). Và sẽ được chủ cơ sở sử dụng để đắp bờ, gia cố cho các ao để chống tràn.

- Phân heo, phân gà và trấu lót nền:

Phân gà và trấu lót nền: phát sinh khoảng 60 tấn/đợt lượng hỗn hợp này sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi và được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại. Phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao) sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại trại vì khi chưa thu gom hết phân sẽ không thể thả đợt gà mới; do lượng trấu và phân gà thối có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendon 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

Phân heo: Lượng phân heo được tính theo lượng thức ăn tiêu thụ. Ước tính heo ăn vào 1kg thức ăn sẽ thải ra 0,48kg phân. Theo đó, lượng thức ăn tiêu thụ cho 1 đợt chăn nuôi heo của cơ sở là 450 tấn, vậy lượng phân heo thải ra sẽ bằng: 450 x 0,48 = 216 tấn/đợt. Phân heo cùng với nước thải trong quá trình chăn nuôi sẽ theo đường ống PVC D220 thu gom về 24 hố ga, sau đó được đưa vào hầm biogas để xử lý.

- Xác heo, gà chết không do dịch bệnh (không phải CTNH):

Xác gà chết không do dịch bệnh: lượng gà có thể chết do quá trình chăm sóc không đảm bảo các yêu cầu về thức ăn, nước uống, nhiệt độ,... xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp. Lượng gà chết chiếm khoảng 1% tổng số gà khoảng 600 con/đợt (tương đương khoảng 1,8 tấn/đợt).

Xác heo chết không do dịch bệnh: thông thường quá trình nuôi heo thì tỉ lệ hao hụt chiếm 1-3% tổng số lượng heo thả nuôi. Thời điểm hao hụt nhiều nhất là 5 tuần đầu tiên kể từ thời điểm thả nuôi. Nguyên nhân là do heo chưa quen điều kiện nuôi mới và bị xuống sức do quá trình di chuyển heo về trại nuôi. Khối lượng heo thời gian đầu đợt nuôi trung bình khoảng 8 kg/con. Do đó, với tổng lượng heo nuôi là 2.000 con/đợt thì lượng heo chết không do bệnh dịch là khoảng 60 con/đợt (tương đương 480 kg/đợt).

Chủ cơ sở bố trí khu vực chôn xác gà và heo chết không do dịch bệnh với diện tích khu vực là 100 m². Công nhân thu gom xác heo, gà chết vào mỗi buổi chiều và sẽ thực hiện chôn lấp ở phần đất được bố trí. Hố chôn lấp có kích thước tùy theo số lượng heo, gà chết trong ngày. Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

Bảng 3.3. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	40,88
2	Bao bì thức ăn	7,6
3	Phân gà và trấu lót nền	240

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

4	Phân heo	432
5	Xác heo, gà chết không do dịch bệnh (không phải CTNH)	8,16
Tổng		1.328,64

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm: nguồn phát sinh thường xuyên chủ yếu là chai thuốc đã qua sử dụng, kim tiêm và nguồn phát sinh không thường xuyên chủ yếu là nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang hỏng ước tính khoảng 113 kg/năm, ngoài ra còn xác heo, gà chết do dịch bệnh.

Bảng 3.4. Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trong 01 năm

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai, lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	Rắn	55kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	Rắn	1kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	Lỏng	20kg/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	5kg/năm	Thắp sáng khu nhà ở, kho, đường, trại nuôi
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	2kg/năm	Bảo dưỡng máy móc
6	Các bao bì, thùng chứa hóa chất khử trùng, sát trùng	14 02 02	Rắn	30kg/năm	Sát trùng vật nuôi/chuồng trại
7	Xác gà chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	180 tấn/đợt	Từ quá trình chăn nuôi
8	Phan gà và trấu phát sinh do dịch bệnh	14 02 02	Rắn	60 tấn/đợt	
9	Xác heo chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	200 tấn/đợt	

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
Tổng lượng CTNH phát sinh thường xuyên				113kg/năm	

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 10 m². Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các chai, lọ, bao bì đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được đơn vị phụ trách tiêm chủng vắc - xin thu gom lại ngay sau khi sử dụng xong để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại, chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

- Đối với heo, gà chết do dịch bệnh:

Khi thấy heo, gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở có thông báo cho cán bộ thú y theo quy định hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương để xử lý. Quá trình tiêu hủy toàn bộ heo, gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

+ Biện pháp tiêu hủy: Cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy công bằng cách đào hố chôn lấp, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi và dầu, sau đó lấp đất và nện chặt.

+ Vị trí đốt chôn lấp: tại khu vực cơ sở.

+ Kích cỡ: 01 tấn động vật thì hố chôn cần có kích thước là: sâu 1,5m x rộng 1,5m x dài 2m.

➤ Dự kiến với trọng lượng khi xuất chuồng của gà là 3kg/con với số lượng 60.000 con cần 180 hố chôn, diện tích bố trí 180 hố chôn là 540 m².

➤ Hỗn hợp phân gà và trấu phát sinh tối đa khi dịch bệnh là 60 tấn và cần 60 hố chôn, diện tích bố trí 60 hố chôn là 180 m².

➤ Đối với heo trọng lượng dự kiến khi xuất chuồng là 100 kg/con với số lượng 2.000 con thì cần 200 hố chôn, diện tích để bố trí 200 hố là 600 m².

Tổng diện tích tối thiểu để xử lý khi có dịch bệnh xảy ra là 1.320 m². Để đề phòng dịch bệnh xảy ra cùng lúc cả gà và heo chủ cơ sở bố trí phần đất có diện tích 3.000 m² để xử lý.

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột

lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5 m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 2 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%. Nước rửa chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom vào hố và trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

+ Kiểm tra sau khi chôn lấp: Khu vực chôn lấp phải được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu phát hiện thấy hiện tượng lún, sụp, bốc mùi hôi cần có biện pháp xử lý: lấp đất, phun thuốc sát trùng,... và đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động vật.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Khu vực đặt máy phát điện được che chắn cẩn thận hạn chế tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

+ Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tiếng ồn trong quá trình hoạt động

+ Lắp pô giảm âm thanh cho máy phát điện; Máy được đặt trên các tấm đệm lót chống rung.

+ Máy phát điện được đặt ở khu vực riêng và được định kỳ bảo dưỡng cẩn thận

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở tiến hành trồng cây xanh xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:

Khi có sự cố xảy ra tiến hành đánh giá xác định nguyên nhân từ túi ủ biogas, máy bơm hoặc tại các ao lắng, kiểm tra hệ thống thu gom và thoát nước sau đó tiến hành cô lập nước thải không được chảy tràn ra khu vực xung quanh và phối hợp với đơn vị chuyên môn tiến hành khảo sát khắc phục lại các sự cố và đề ra biện pháp khắc phục kịp thời.

Thường xuyên kiểm tra túi ủ biogas, các ao sinh học, máy bơm đang hoạt động.

Bảng 3.5. Nguyên nhân gây sự cố và biện pháp khắc phục

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Túi ủ Biogas	Bị rách, thủng	Do chuột hay tác động của vật nhọn đâm	Hàn chỗ bị rách, thủng
Ao lắng và Ao sinh học	Bùn đen trên mặt	Thời gian lưu bùn quá lâu	Loại bỏ bùn thường xuyên
	Nước thải không trong	Khả năng lắng của bùn kém	Sử dụng vôi làm tăng khả năng lắng

Chủ cơ sở sẽ bố trí công nhân viên phụ trách môi trường có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hạng mục xử lý chất thải của cơ sở để tránh có sự cố xảy ra. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nếu xảy ra các sự cố trên chủ cơ sở sẽ tiến hành các phương án sau:

- Khi hầm ủ biogas bị sự cố hư hỏng không thể xử lý nước thải. Sẽ sử dụng ao lắng để tạm thời lưu chứa. Tuy nhiên, phải tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý nước thải.

- Khi ao lắng, ao sinh học bị sự cố:

+ Ô nhiễm (nước có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng): Bón vôi hay zeolite vào ao để hỗ trợ quá trình lắng cũng như xử lý nước thải.

+ Tràn ao khi mưa lớn: Tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ ao chảy ra nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và nguồn tiếp nhận.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ và tắc nghẽn Biogas

- Trang bị các ống dẫn khí, van,... dự phòng để thay thế khi xảy ra sự cố hư hỏng.
- Thường xuyên kiểm tra bảo trì hầm ủ và đường ống để tránh bị rò rỉ khí.

- Bảo đảm lắp đặt đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho trang trại.
- Việc xây dựng hầm Biogas cần đảm bảo đúng qui trình, yêu cầu kỹ thuật.
- Cần kiểm tra, theo dõi thường xuyên, đảm bảo cân bằng giữa lượng chất thải phát sinh với sức chứa của hầm Biogas.
- Lắp đặt cảnh báo an toàn, thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Tập huấn về an toàn khi sử dụng khí gas cho công nhân của Trang trại.
- Thường xuyên phát quang, thu gom những cành cây để tránh rơi vào đường ống dẫn phân về hầm Biogas để tránh gây tắc nghẽn.
- Trang bị dụng cụ chống ngạt khí khi xảy ra sự cố rò rỉ và tắc nghẽn hầm Biogas cho công nhân tham gia khắc phục sự cố: mặt nạ phòng độc, quạt gió công nghiệp (làm loãng khí biogas).
- Mùi hôi của khí sinh học: được xử lý bằng cách điều chỉnh lại đường ống dẫn gas hoặc thay thế các bồn lọc, lưu chứa gas. Đối với các loại chất khí biogas khác như khí H₂S, đây là chất khí gây ô nhiễm sẽ được lọc bằng phôi sắt và nước vôi để loại bỏ trước khi khí biogas dẫn vào hệ thống máy phát điện.
- Sự cố ngập hầm biogas: được khắc phục bằng cách xả hết khí sinh học lưu trữ trong hầm để tránh làm tăng áp suất sẽ ảnh hưởng đến sự chôn lấp định vị nắp bạt HDPE thu giữ gas.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:

a) Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 60 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại trại, vì khi không bán hết phân sẽ không thể thả đợt gà mới; do lượng trấu và phân gà thối có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

b) Chất thải nguy hại:

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 10 m², được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Kho chất thải nguy hại của trang trại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu dùng khi xảy ra các sự cố, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;

- Có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:

a) Phòng ngừa dịch bệnh:

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy trại.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và trại nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các trại nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các trại nuôi ít nhất 01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy trại nuôi ít nhất 01 lần/02 tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendon 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đọt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ trại trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

b) Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:

Khi thấy heo, gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở có thông báo cho cán bộ thú y theo quy định hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương để xử lý. Quá trình tiêu hủy toàn bộ heo, gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

+ Biện pháp tiêu hủy: Cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy công bằng cách đào hố chôn lấp, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi và dầu, sau đó lấp đất và nện chặt.

+ Vị trí đốt chôn lấp: tại khu vực cơ sở.

+ Kích cỡ: 01 tấn động vật thì hố chôn cần có kích thước là: sâu 1,5m x rộng 1,5m x dài 2m.

- Dự kiến với trọng lượng khi xuất chuồng của gà là 3kg/con với số lượng 60.000 con cần 180 hố chôn, diện tích bố trí 180 hố chôn là 540 m².
- Hỗn hợp phân gà và trâu phát sinh tối đa khi dịch bệnh là 60 tấn và cần 60 hố chôn, diện tích bố trí 60 hố chôn là 180 m².
- Đối với heo trọng lượng dự kiến khi xuất chuồng là 100 kg/con với số lượng 2.000 con thì cần 200 hố chôn, diện tích để bố trí 200 hố là 600 m².

Tổng diện tích tối thiểu để xử lý khi có dịch bệnh xảy ra là 1.320 m². Để đề phòng dịch bệnh xảy ra cùng lúc cả gà và heo chủ cơ sở bố trí phần đất có diện tích 3.000 m² để xử lý.

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5 m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sục, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 2 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%. Nước rửa chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom vào hố và trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

+ Kiểm tra sau khi chôn lấp: Khu vực chôn lấp phải được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu phát hiện thấy hiện tượng lún, sục, bốc mùi hôi cần có biện pháp xử lý: lấp đất, phun thuốc sát trùng,... và đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động vật.

6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có.

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có.

**CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, người lao động tại trang trại với khối lượng 1,12 m³/ngày.đêm.
- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại gà (không thường xuyên, chỉ phát sinh vào cuối đợt nuôi) với khối lượng 05 m³/ngày.đêm.
- Nguồn 3: Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi heo với khối lượng tối đa 25,8 m³/ngày.đêm.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 1: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 1,12 m³/ngày.đêm
 - Nguồn số 2: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 05 m³/ngày.đêm
 - Nguồn số 3: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 25,8 m³/ngày.đêm
- Lưu lượng xả thải tối đa là 31,92 m³/ngày.đêm làm tròn thành 32m³/ngày.đêm.

c) Dòng nước thải:

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt sau quá trình xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn kết hợp chế phẩm sinh học được xả vào Ao sinh học 01 nằm trong khuôn viên của trang trại.
- Dòng số 2: Nước thải chăn nuôi gà toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý của cơ sở. Nước thải sau khi được xử lý được lưu chứa tại Ao sinh học 01, không thải ra môi trường bên ngoài.
- Dòng số 3: Nước thải chăn nuôi heo toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý của cơ sở. Nước thải sau khi được xử lý được lưu chứa tại Ao sinh học 02, không thải ra môi trường bên ngoài.

d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

- Nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi gà sau khi được xử lý được xử lý và lưu chứa tại ao sinh học 01. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Cột B
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	100

3	COD	mg/l	300
4	TSS	mg/l	150
5	Tổng Nito	mg/l	150
6	Tổng Coliforms	NPM/100ml	5.000

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi heo của cơ sở được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của trang trại, với quy mô của hầm ủ biogas là 1.400 m³, hệ thống ao lắng và ao sinh học 02. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Cột B
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	100
3	COD	mg/l	300
4	TSS	mg/l	150
5	Tổng Nito	mg/l	150
6	Tổng Coliforms	NPM/100ml	5.000

e) Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng số 01 và dòng số 02

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 60): X = 1077853; Y = 540633.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Ao sinh học 01, trong khuôn viên cơ sở.

- Dòng số 03:

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 60): X = 1077876; Y = 540796.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Ao sinh học 02, trong khuôn viên cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động (khi cơ sở bị mất điện).

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰):

+ Vị trí 1: X = 1077859; Y= 540479

+ Vị trí 2: X = 1077842; Y= 540681

- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

a) Chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh phát sinh tại cơ sở 11,2 kg/ngày được chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý như sau: Bố trí khoảng 6 thùng rác loại 50 lít được bố trí tại đầu mỗi dãy trại. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bọc nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vớt bỏ.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với từng loại chất thải rắn chăn nuôi, chủ trang trại sẽ có biện pháp xử lý đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)	Phương án thu gom, xử lý
1	Bao bì đựng thức ăn	7,6	Được thu gom và chứa vào kho của cơ sở, các bao đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.
2	Phân gà và trấu lót nền	240	Được thu gom cho vào bao (mỗi bao khoảng 15 – 20 kg) và bán cho các đơn vị thu mua
3	Phân heo	432	Được thu gom và xử lý bằng Biogas.
4	Xác heo, gà chết không do dịch bệnh (không phải CTNH)	8,16	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hố chôn có diện tích 100 m ² .
Tổng		1.328,64	

c) Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại chủ yếu là chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm, nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, xe vận chuyển, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang và xác động vật chết do dịch (trường hợp có dịch bệnh xảy ra). Chủ trang trại sẽ có biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Chai, lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	Rắn	55 kg/năm	Chủ trang trại sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong 03 thùng nhựa loại 50 lít/thùng, có dán nhãn và lưu chứa tại Kho chất thải nguy hại có diện tích 10
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	Rắn	01 kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	Lỏng	20 kg/năm	

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
4	Bóng đèn huỳnh quang hồng	16 01 06	Rắn	05 kg/năm	m ² . Chủ trang trại sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/năm theo đúng quy định của pháp luật.
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	02 kg/năm	
6	Các bao bì, thùng chứa hóa chất khử trùng, sát trùng	14 02 02	Rắn	30 kg/năm	
7	Xác gà chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	180 tấn/đợt	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Khu vực chôn lấp có diện tích 3.000 m ² được bố trí ở khu đất trống cơ sở.
8	Phân gà và trấu phát sinh khi có dịch bệnh xảy ra	14 02 02	Rắn	60 tấn/đợt	
9	Xác heo chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	200 tấn/đợt	
Tổng lượng CTNH phát sinh thường xuyên				113 kg/năm	

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Vì vậy, chủ cơ sở lấy kết quả quan trắc nước thải năm 2024.

Đơn vị thực hiện quan trắc

- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú.
- Địa chỉ liên hệ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.66604779

- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, phòng thí nghiệm đạt chứng nhận Vimcerts 292, đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Vị trí lấy mẫu quan trắc

Toạ độ vị trí lấy mẫu quan trắc (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°):

- NT – 01: X = 1077853; Y = 540633 tại ao sinh học 01.
- NT – 02: X = 1077876; Y = 540796 tại ao sinh học 02.

Kết quả quan trắc đối với nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số					
		pH	BOD ₅	COD	TSS	Tổng N	Coliforms
		-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100ml
1	NT – 01	6,0	42	77	49	32,1	$1,5 \times 10^3$
2	NT – 02	7,3	52	73	77	41	$2,9 \times 10^3$
QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)		5,5 - 9	100	300	150	150	5×10^3

(Nguồn: Đơn vị thực hiện quan trắc)

*** Nhận xét:**

Qua kết quả quan trắc mẫu nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải của cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Trang trại đã đi vào hoạt động trước ngày 01/01/2022 theo khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Cơ sở đã được cấp giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 1167/GXN-STNMT ngày 16/10/2013 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình.

2. Chương trình quan trắc môi trường (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường.

Tuy nhiên, để kiểm soát quá trình xử lý nước thải của cơ sở nhằm sớm phát hiện kịp thời những bất thường trong quá trình xử lý nước thải nên chủ cơ sở đề xuất quan trắc nước thải như sau:

Bảng 6.1. Chương trình quan trắc

STT	Vị trí	Tần suất	Thông số giám sát	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
1	Nước thải sau khi xử lý: 01 vị trí tại Ao sinh học số 01	6 tháng/lần (2 lần/năm)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Coliforms	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)
2	Nước thải sau khi xử lý: 01 vị trí tại Ao sinh học số 02	6 tháng/lần (2 lần/năm)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Coliforms	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc trường hợp quy định lắp đặt quan trắc tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm khoảng 10.000.000 đồng/năm

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất (2022 và 2023), tại cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn chăn nuôi đúng theo quy định của pháp luật; thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai cơ sở.

- Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

- Sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Trang trại.

- Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

- Cam kết thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại như: động vật bệnh, chết, các lọ vaccine, ống tiêm, kim tiêm vaccine sau khi sử dụng.

Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ;
- Giấy đăng ký kinh doanh;
- Sơ đồ mặt bằng của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước mưa của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước thải của trang trại;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận giấy phép môi trường và các văn bản liên quan.

UBND HUYỆN MỸ XUYỀN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH**

Số : 59E8005552

Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 11 năm 2019

- Tên hộ kinh doanh:** HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RŨ
- Địa điểm kinh doanh:** ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại:** 0913862170 **Fax:**
- Email:** **Website:**
- Ngành, nghề kinh doanh:** Chăn nuôi gà. (khi kinh doanh phải đảm bảo đúng các điều kiện theo quy định)
- Vốn kinh doanh:** 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Chủ thể thành lập hộ kinh doanh:** Cá nhân
- Họ và tên đại diện hộ kinh doanh:** PHẠM VĂN RŨ
Giới tính: Nam
Sinh năm: 25/12/1972 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
- Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:** Chứng minh nhân dân
- Số giấy chứng thực cá nhân:** 365097289
- Ngày cấp:** 17/07/2019 **Nơi cấp:** Công an tỉnh Sóc Trăng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- Chỗ ở hiện tại:** ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

TRƯỞNG PHÒNG



Handwritten signature and name: Văn Hải Kế Sách

Handwritten signature

Số: 199 /QĐ.STNMT

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường
của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung”

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;

Căn cứ Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” kèm theo Văn bản đề nghị phê duyệt không số, ngày 30 tháng 9 năm 2009 Doanh nghiệp tư nhân Du Hoài;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” của Doanh nghiệp tư nhân Du Hoài.

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Du Hoài có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải: Đối với nước thải phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 5945:2005, cột B); khí thải phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 5937:2005, TCVN 5949:1998, TCVN 5939:2005); quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại theo quy định hiện hành, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả giám sát môi trường về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường (theo kế hoạch trong đề án được phê duyệt) nhưng chậm nhất là **ngày 31 tháng 12 năm 2009** phải hoàn thành. Quá thời hạn nêu trên, Doanh nghiệp tư nhân Dư Hoài không thực hiện sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, trong đó ngoài các hình thức xử phạt, khắc phục ô nhiễm, còn có thể bị tạm thời đình chỉ, cấm hoạt động hoặc buộc di dời ra khỏi khu dân cư, phù hợp với sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Doanh nghiệp tư nhân Dư Hoài phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường của “*Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung*” và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp tư nhân Dư Hoài.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Dư Hoài, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Thành

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du Hoài ngày 20/02/2023 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 601/STNMT-NKS ngày 16/3/2023),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du Hoài, địa chỉ ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ chăn nuôi gà, heo.
2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Du Hoài, ấp Công Đôi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng Pleistocen giữa trên (qp₂₋₃).
4. Tổng số giếng khai thác: 08 giếng.
5. Tổng lượng nước khai thác: 125 m³/ngày đêm.
6. Thời hạn của giấy phép: Đến ngày 20/02/2028.
7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 6°)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
DH2-1	1077539	540482	50	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-2	1077508	540487	5	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-3	1077508	540480	5	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-4	1077515	540442	5	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-5	1077526	540665	15	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-6	1077533	540667	15	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-7	1077550	540668	15	04	80	106	11,2	30	qp2-3
DH2-8	1077555	540665	15	04	80	106	11,2	30	qp2-3

(Kèm theo sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước).

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du Hoài:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Lắp đặt thiết bị, bố trí nhân lực thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cụ thể:

- Đối với thông số lưu lượng khai thác và mực nước trong giếng khai thác: Thực hiện giám sát định kỳ không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 10 giờ sáng hôm sau.

- Đối với thông số chất lượng nước trong quá trình khai thác tại vị trí công trình khai thác: Thực hiện giám sát định kỳ trong quá trình khai thác, thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo), tổng hợp báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (nội dung Báo cáo theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước).

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV Dư Hoài;
- Cục Quản lý TNN (Bộ TN&MT);
- Sở TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT. 4/

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Số: 671 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài, khai thác nguồn nước dưới đất công trình Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Dư Hoài

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 23/GP-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài ngày 20/02/2023 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 601/STNMT-NKS ngày 16/3/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài (địa chỉ ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Mã số thuế: 2200189275) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 23/GP-UBND ngày 17/3/2023 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung Dư Hoài (ấp Cống Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).

2. Mục đích sử dụng nước của công trình: Phục vụ chăn nuôi gà, heo.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chăn nuôi gà, heo.

4. Giá tính tiền cấp quyền: 5.000 đồng/m³.

5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 2.647 ngày.

6. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: **2.233.406 đồng** (Hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

7. Phương án nộp tiền: Một lần cho cả thời gian phê duyệt.

8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền: Theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Gửi Thông báo kèm theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài và Cục Thuế tỉnh.

2. Cục Thuế tỉnh: Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài có trách nhiệm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đúng thời hạn theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh.

- Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài gửi 01 bản sao có chứng thực cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính đến thời điểm chuyển nhượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dư Hoài căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Cục QL TNN (Bộ TN&MT);
- Như Điều 4;
- UBND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT,lv

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam

Số: 1167/GXN-STNMT

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 10 năm 2013

GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH
việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường của
“Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung” của Doanh nghiệp tư nhân Dur
Hoài (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dur Hoài)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT, ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 02/ĐN-MT, ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Dur Hoài báo cáo về việc hoàn thành thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Xét biên bản kiểm tra ngày 02 tháng 10 năm 2013 của đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 60/QĐ-STNMT, ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC NHẬN:

Điều 1. Các công trình xử lý chất thải của Trang trại chăn nuôi gà, heo tập trung của Công ty TNHH Một thành viên Dur Hoài đã hoàn thành giai đoạn vận hành thử nghiệm và đủ điều kiện đi vào vận hành chính thức.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Dur Hoài có trách nhiệm:

2.1 Việc vận hành công trình trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành.

2.2 Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

2.3 Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *1/0*





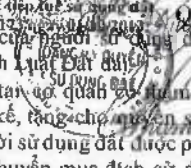
- Chủ cơ sở
- Phòng PC49;
- Phòng TNMT Châu Thành;
- Lưu: VP, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *Trần Văn Chanh*



Trần Văn Chanh
ThS. Trần Văn Chanh

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
29/11/2007	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng trọt tại khu vực nông thôn theo đơn xin chuyển mục đích ngày 28/11/2007	 Phạm Đức Khương
04/12/2007	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất với Chi nhánh ngân hàng Công Thương Sóc Trăng theo hợp đồng số 1178 ngày 04/12/2007.	 Phạm Đức Khương
10/3/2009	Đã xóa thế chấp theo xác nhận của bên thế chấp ngày 09/3/2009.	 Phạm Đức Khương
10/3/2009	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Du Hoài với Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Sóc Trăng theo hợp đồng số 90, ngày 09/3/2009.	 Phạm Đức Khương
16/4/2010	Đã xóa thế chấp quyền sử dụng đất theo xác nhận của bên nhận thế chấp ngày 15 tháng 4 năm 2010.	 Phạm Đức Khương

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:
01/10/2013 Ông: Phạm Văn Rư và bà: Trần Thị Kim Loan được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/2013/Đ.Đ.Đ. ngày 15 tháng 10 năm 2013 theo hồ sơ quản lý số 12/2013/Đ.Đ.Đ.

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

SỐ AK 864181

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V- Sơ đồ thửa đất



ỦY BAN NHÂN DÂN

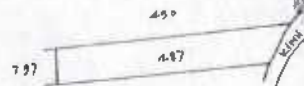


HUYỆN MỸ TÚ - TỈNH SÓC TRĂNG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông Phạm Văn Rư, sinh năm 1972, CMTND: 365097289, cấp ngày 22/06/1995
Bà Trần Thị Kim Loan, sinh năm 1972, CMTND: 365100148, cấp ngày 07/7/1995
Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng



II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 487 2. Tờ bản đồ số: 02
- Địa chỉ thửa đất: ấp Công Đới, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Mỹ Tú
- Diện tích: 6355 m²
Bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm mét vuông
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: Không m²
 - + Sử dụng chung: 6355 m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa (LUA)
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2013
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Tỷ lệ: 1/5000

Ngày 15 tháng 11 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH





(Ký tên, đóng dấu)

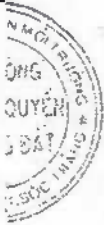


Châu Đức Khương

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00074

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
19/7/2018	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 06/6/2016 theo hồ sơ đăng ký số 1432.Q1.XC.	<p>Giám Đốc</p> 
19/7/2018	Đã thế chấp bằng QSD đất tại Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 1434.Q1.TC.	<p>Giám Đốc</p> 
25/6/2020	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 19/7/2018 theo hồ sơ đăng ký số 1227.Q1.XC.	<p>Giám Đốc</p> 
24/12/2020	Đã thế chấp bằng QSD đất cho Công Ty TNHH Đại Du Hoài tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam địa chỉ: Số 35 Hàng Vương, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Nội đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - Chi Nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Địa chỉ: 53-53A, Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, theo hồ sơ quản lý số 2676.Q1.TC.	<p>Giám Đốc</p> 



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Giấy chứng nhận QSD đất số: AK 864181

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
16/4/2010	Đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Du Hoài tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Sóc Trăng, theo hồ sơ số 91 ngày 16/4/2010.	 <i>Phạm Đức Kháng</i>
30/9/2013	Đã xóa thế chấp ngày 30 tháng 9 năm 2013 theo hồ sơ quản lý số 1944.	Q. Giám Đốc <i>Phạm Văn Nghệ</i>
10/12/2013	Đã thế chấp bằng QSD đất cho Công Ty TNHH Du Hoài (người đại diện ông: Phạm Văn Kỳ, chức vụ: Giám đốc) tại Công Ty TNHH Một Thành Viên Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 2515 ngày 10 tháng 12 năm 2013.	Q. Giám Đốc <i>Phạm Văn Nghệ</i>
24/3/2016	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 10/12/2013 theo hồ sơ đăng ký số 589.Q1.XC.	Giám Đốc <i>Phạm Văn Nghệ</i>
06/6/2016	Đã thế chấp bằng QSD đất cho Công Ty TNHH Du Hoài tại Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 1316.Q1.TC.	P. Giám Đốc PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Phạm Văn Nghệ</i>

lưu s.cũy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Phạm Văn Rư

Năm sinh: 1972, CMND số: 365097289

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bà: Trần Thị Kim Loan

Năm sinh: 1972, CMND số: 365100148

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

BP 420327

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **490**, tờ bản đồ số: **2**
b) Địa chỉ: ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
c) Diện tích: **6971** m², (bằng chữ: Sáu nghìn chín trăm bảy mươi một mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: riêng: **6971** m²; chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.
e) Thời hạn sử dụng: Đất xác định theo Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành và được tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: **TRANG TRẠI NUÔI GÀ**

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sản hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Trại Gà (02 trại)	3186,8	3186,8	Khung+móng+cột+dà BTCT, nền bê tông xi măng, trần laphong nhựa, xà gỗ, xây tường lừng cao 0,5m và tấm nilong bao quanh.	Cấp 4	-/-	2003	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

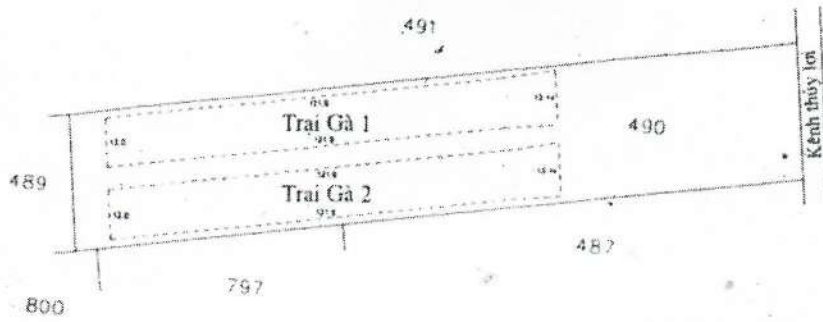
Châu Thành, ngày **04** tháng **11**, năm **2013**
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Son Pô

Số vào sổ cấp GCN: CH01959

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/2000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 5 7 0 1 3 0 0 5 4 6 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1972
12/190

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM HUY CHIÊU

Năm sinh: 1963, CMND số: 365947509

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Và bà: PHẠM THỊ TY

Năm sinh: 1965, CMND số: 365947500

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CD 349811

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **1076**, tờ bản đồ số: **02**
b) Địa chỉ: ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
c) Diện tích: **5687,7m²**, (bằng chữ: Năm nghìn sáu trăm tám mươi bảy phẩy bảy vuông).
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/7/2064.
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

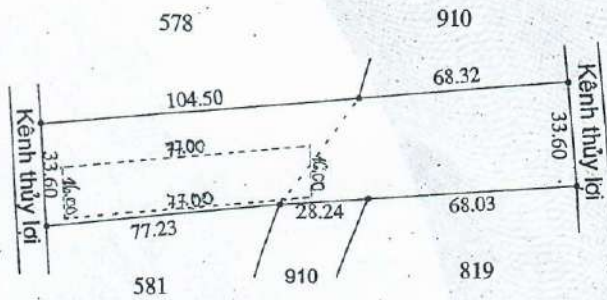
6. Ghi chú: Không.

Châu Thành, ngày 07 tháng 7 năm 2016
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Thắng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực 1241. Quyền số 0000. SCT/BS
 Ngày 01 tháng 05 năm 2016



Trần Thanh Hiền



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển mục đích sử dụng từ đất Đất chuyên trồng lúa nước thành đất Đất nông nghiệp khác, diện tích 5687,7m ² ngày 01/9/2016. 003214.CM.001	Châu Thành, ngày 01/9/2016 Giám Đốc
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ông: Phạm Văn Nhuận, sinh năm: 1972, CMND số: 365097289 và bà: Trần Thị Loan, sinh năm: 1972, CMND số: 365100148, địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ số 3214.CN.01	Châu Thành, ngày 03/3/2017 Giám Đốc Phạm Văn. Nhuận



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với thửa đất số
1076, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 5687,7m²(NKH; -
Loại công trình: "Trại heo"; - Hạng mục công trình: "Trại heo"; - Diện tích xây dựng: 1232m²; - Diện tích sàn: 1232m²; - Cấp (hạng) nhà ở: Cấp IV; - Số tầng: 01 tầng; - Năm hoàn thành: 2004; - Thời hạn được sở hữu: "-/-".

Châu Thành, ngày 23/3/2011
TM. UBND huyện Châu Thành

Chủ tịch
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Lohanh Loan

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1570 16008040

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

1076

02

Thửa đất số: CD 349811

Tờ bản đồ số: CH03214

Số phát hành GCN:

Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Châu Thành, ngày 13/4/2017

Giám Đốc

Đã thế chấp bằng QSD đất cho Công Ty TNHH MTV Đầu
Hoài tại Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam
CN Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường
TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 661.Q1.TC.



Châu Thành, ngày 19/10/2017

Giám Đốc

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 13/4/2017 theo hồ
sơ đăng ký số 1950.Q1.XC.



Châu Thành, ngày 19/10/2017

Giám Đốc

Đã thế chấp bằng QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại
Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Sóc
Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST,
tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 1951.Q1.TC.



Châu Thành, ngày 31/8/2018

Giám Đốc

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 19/10/2017 có thay đổi
đã thế chấp 2 giấy chứng nhận QSD đất, đăng ký thay đổi rút
1 giấy chứng nhận QSD đất, theo hồ sơ quản lý số
723.Q1.TĐ.



Châu Thành, ngày 25/6/2020


Giám Đốc

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 19/7/2018 theo hồ
sơ đăng ký số 1230.Q1.XC.



Trang bổ sung số 01.

Trang bổ sung này không phải đính kèm. Giấy chứng nhận có giá trị pháp lý

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Đã thế chấp bằng QSD đất tại Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lí số 1319.Q1.TC.</p>	<p>Châu Thành, ngày 08/7/2020</p> <p>Giám Đốc PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p><i>Trần Văn Minh</i></p>
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Phạm Văn Rư

Năm sinh: 1972, CMND số: 365097289

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bà: Trần Thị Kim Loan

Năm sinh: 1972, CMND số: 365100148

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

BP 420325

II, Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 578, tờ bản đồ số: 2
b) Địa chỉ: ấp Công Đồi, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
c) Diện tích: 4048 m², (bằng chữ: Bốn nghìn không trăm bốn mươi tám mét)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 4048 m²; chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.
e) Thời hạn sử dụng: Đất xác định theo Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi) có hiệu hành và được tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: TRẠI TRẠI NUÔI HEO

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng
Trại Heo	1552	1552	Khung+móng+cột+đà BTCT, nền bê tông xi măng; trần laphong tôn lạnh 3,5zen; khung vì kèo thép hình; xà gỗ gỗ; mái lợp to; xây tường bao quanh và tường chuồng xây cao 1,0m.	Cấp 4	-/-	2003

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

Châu Thành, ngày 07 tháng 11 năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CH
RT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Sen Po

Số vào sổ cấp GCN: CH01962

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



ng).

hi

hạn
ưu



Tỷ lệ: 1/2000

PHÀNH

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

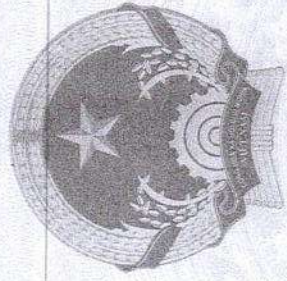


3 1 5 7 0 1 3 0 0 5 4 8 5

Thầy AK 180

100
416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM VĂN RỬ

Năm sinh: 1972, CMND số: 365097289

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

và Bà: TRẦN THỊ KIM LOAN

Năm sinh: 1972, CMND số: 365100148

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

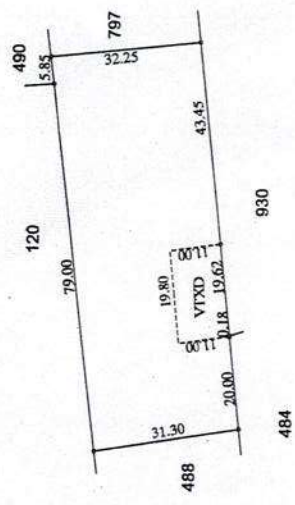
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1570 16007964

CD 230701

III. Sở đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- 1. Thửa đất:**
- a) Thửa đất số: **800**, tờ bản đồ số: **02**
 - b) Địa chỉ: ấp Công Đới, xã Hộ Đắc Kiên, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
 - c) Diện tích: 2658,2m² (bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm năm mươi tám phẩy hai mét vuông).
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.
 - e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- 2. Nhà ở: -/-**

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà Chứa Thức Ăn	217,8	217,8	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-

Tên công trình: Nhà Chứa Thức Ăn

- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-**
- 5. Cây lâu năm: -/-**
- 6. Ghi chú: Không.**

Châu Thành, ngày 14 tháng 4 năm 2016
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KICHU TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Sĩ

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CH03138

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

02

Thừa đất số: CD 230701
Số phát hành GCN:

Tờ bản đồ số: CH03138
Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Châu Thành, ngày 06/6/2016

Đã thế chấp bằng QSD đất cho Công Ty TNHH Du Hoai tại Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lí số 1316.Q1.TC.

D. Giám Đốc
HỒ GIÁM ĐỐC



Châu Thành, ngày 19/7/2018

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 06/6/2016 theo hồ sơ đăng ký số 1432.Q1.XC.

Giám Đốc



Đã thế chấp bằng QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Sóc Trăng, địa chỉ: số 20B Trần Hưng Đạo, phường 2, TPST, tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lí số 1433.Q1.TC.

Châu Thành, ngày 19/7/2018

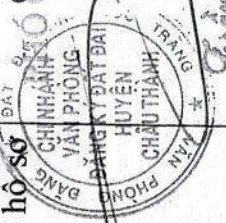
Giám Đốc



Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 19/7/2018 theo hồ sơ đăng ký số 1225.Q1.XC.

Châu Thành, ngày 25/6/2020

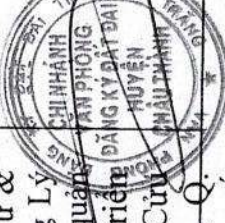
Giám Đốc



Đã thế chấp bằng QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho Công Ty TNHH Du Hoai tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tô, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Địa chỉ: 53-53A, Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, theo hồ sơ quản lí số 2677.Q1.TC.

Châu Thành, ngày 24/12/2020

Giám Đốc

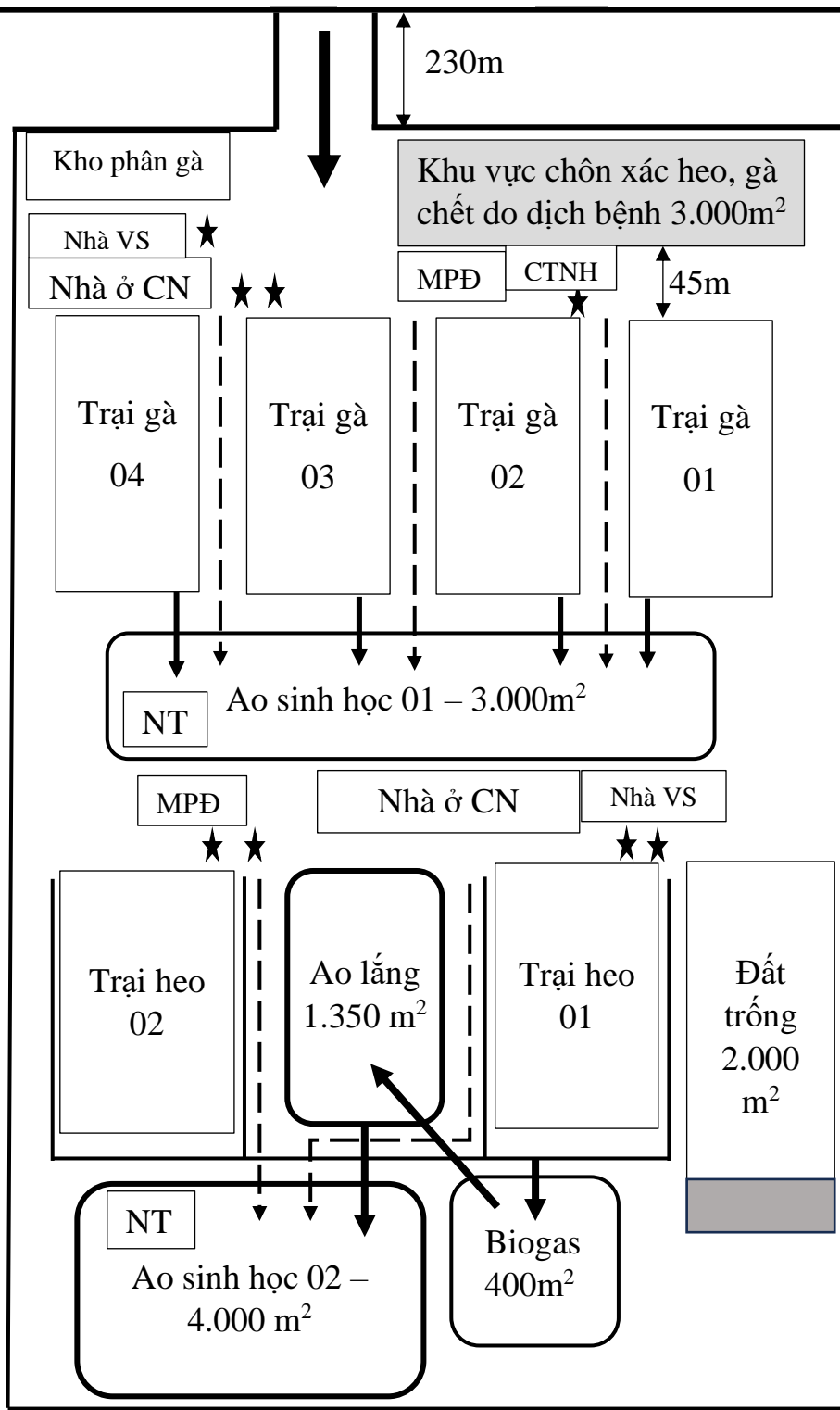


Trang bổ sung số (...)



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

← Hướng đi Tp. Sóc Trăng — — Quốc lộ 1A — — — Hướng đi Tp. Ngã Bảy →



Chú thích: — → Đường thoát nước mưa ★ Giếng nước
 → Đường thoát nước thải ■ Khu vực chôn xác heo, gà chết không do dịch bệnh
 NT Vị trí lấy mẫu nước thải